MỤC LỤC

[MỤC LỤC 1](#_Toc3648210)

[DANH SÁCH PHÂN PHỐI TÀI LIỆU 4](#_Toc3648211)

[GHI NHẬN CÁC TU CHỈNH 5](#_Toc3648212)

[DANH MỤC CÁC NỘI DUNG KIỂM TRA ĐÃ THỰC HIỆN 6](#_Toc3648213)

[GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ VÀ CÁC CHỮ VIẾT TẮT 7](#_Toc3648214)

[A. Thuật ngữ: 7](#_Toc3648215)

[B. Chữ viết tắt: 9](#_Toc3648216)

[CHƯƠNG I 12](#_Toc3648217)

[QUY ĐỊNH CHUNG 12](#_Toc3648218)

[1. Mục đích, yêu cầu và phạm vi áp dụng của Tài liệu khai thác sân bay 12](#_Toc3648219)

[1.1 Mục đích: 12](#_Toc3648220)

[1.2 Yêu cầu: 12](#_Toc3648221)

[1.3 Phạm vi áp dụng: 13](#_Toc3648222)

[2. Căn cứ pháp lý và tài liệu viện dẫn 14](#_Toc3648223)

[2.1 Căn cứ pháp lý 14](#_Toc3648224)

[2.2 Tài liệu viện dẫn: 16](#_Toc3648225)

[3. Quy trình sửa đổi, bổ sung tài liệu 18](#_Toc3648226)

[3.1 Trách nhiệm sửa đổi, bổ sung tài liệu: 18](#_Toc3648227)

[3.2 Quy trình bổ sung, tu chỉnh tài liệu. 18](#_Toc3648228)

[4. Các điều kiện chung để khai thác sân bay Cà Mau 19](#_Toc3648229)

[4.1 Về tính chất khai thác 19](#_Toc3648230)

[4.2 Giờ hoạt động, tên, địa chỉ, số điện thoại liên lạc của các cơ quan hoạt động tại sân bay Cà Mau. 19](#_Toc3648231)

[5. Hệ thống thông báo tin tức hàng không hiện có và các thủ tục thông báo 21](#_Toc3648232)

[5.1 Hệ thống thông báo tin tức hàng không tại Cảng HK Cà Mau 21](#_Toc3648233)

[5.2 Quy chế phối hợp và Hiệp đồng giữa các cơ quan 21](#_Toc3648234)

[6. Hệ thống thống kê hoạt động cất hạ cánh của tàu bay tại sân bay Cà Mau 22](#_Toc3648235)

[*6.1 Cơ quan thống kê* 22](#_Toc3648236)

[*6.2 Chế độ báo cáo* 22](#_Toc3648237)

[*6.3 Nội dung thống kê:* 22](#_Toc3648238)

[7. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Người khai thác sân bay Cà Mau 23](#_Toc3648239)

[7.1 Chức năng 23](#_Toc3648240)

[7.2 Nhiệm vụ 23](#_Toc3648241)

[7.2 Quyền hạn 24](#_Toc3648242)

[CHƯƠNG II 25](#_Toc3648243)

[THÔNG TIN CHUNG VỀ CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY 25](#_Toc3648244)

[1. Tên cảng hàng không, sân bay 25](#_Toc3648245)

[2. Vị trí cảng hàng không, sân bay 25](#_Toc3648246)

[3. Tọa độ điểm quy chiếu sân bay 25](#_Toc3648247)

[4. Mức cao sân bay và địa thế cảng hàng không, sân bay 25](#_Toc3648248)

[5. Cấp cứu hỏa sân bay 26](#_Toc3648249)

[6. Nhiệt độ tham chiếu tại sân bay 26](#_Toc3648250)

[7. Tên, địa chỉ, số điện thoại liên lạc (24/24 giờ) của người khai thác cảng/ đại diện người khai thác cảng hàng không, sân bay 26](#_Toc3648251)

[8. Các loại bản đồ, sơ đồ 27](#_Toc3648252)

[9. Các chi tiết quyền sử dụng đất cảng hàng không, sân bay 28](#_Toc3648253)

[CHƯƠNG III 29](#_Toc3648254)

[CÁC THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ SÂN BAY 29](#_Toc3648255)

[1. Đường cất hạ cánh 29](#_Toc3648256)

[2. Đường lăn 32](#_Toc3648257)

[3. Sân đỗ 32](#_Toc3648258)

[4. Đài kiểm soát không lưu Cà Mau 34](#_Toc3648259)

[5. Thông tin về các thiết bị phù trợ dẫn đường, bao gồm: 35](#_Toc3648260)

[6. Vị trí của các điểm kiểm tra đài VOR tại sân và tần số vô tuyến 36](#_Toc3648261)

[7. Vị trí của các hệ thống chỉ dẫn chuyển động tàu bay trên mặt đất 36](#_Toc3648262)

[8. Vị trí và cao độ các điểm kiểm tra độ cao trước chuyến bay 36](#_Toc3648263)

[9. Hệ thống đường giao thông trong khu bay 36](#_Toc3648264)

[10. Hạ tầng bảo vệ môi trường 37](#_Toc3648265)

[11. Hạ tầng tra nạp nhiên liệu ngầm cho tàu bay 37](#_Toc3648266)

[12. Hệ thống cấp điện trong khu bay 37](#_Toc3648267)

[13. Hệ thống cấp, thoát nước trong khu bay 37](#_Toc3648268)

[14. Hạ tầng bảo đảm an ninh hàng không 38](#_Toc3648269)

[15. Hạ tầng phục vụ công tác khẩn nguy sân bay, phòng chống cháy nổ tại cảng hàng không, sân bay 41](#_Toc3648270)

[16. Hệ thống chiếu sáng 45](#_Toc3648271)

[17. Các dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay 46](#_Toc3648272)

[18. Các thông tin đặc biệt cần lưu ý 47](#_Toc3648273)

[19. Danh mục không đáp ứng 48](#_Toc3648274)

[CHƯƠNG IV 51](#_Toc3648275)

[QUY TRÌNH VẬN HÀNH KHAI THÁC, BẢO TRÌ, BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM AN TOÀN KHAI THÁC TRONG KHU BAY 51](#_Toc3648276)

[1. Quy trình khai thác, cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay 51](#_Toc3648277)

[2. Quy trình bảo đảm an ninh 52](#_Toc3648278)

[3. Kế hoạch khẩn nguy sân bay 52](#_Toc3648279)

[4. Kiểm tra bề mặt giới hạn chướng ngại vật trong sân bay 52](#_Toc3648280)

[5. Quy trình kiểm tra kết cấu hạ tầng sân bay 54](#_Toc3648281)

[6. Quy trình bảo trì kết cấu hạ tầng sân bay 56](#_Toc3648282)

[7. An toàn thi công xây dựng 59](#_Toc3648283)

[8. Quản lý sân đỗ tàu bay 65](#_Toc3648284)

[9. Quản lý an toàn đường cất hạ cánh, đường lăn và sân đỗ 68](#_Toc3648285)

[10. Quy định về kiểm tra, kiểm soát người, phương tiện, trang thiết bị hoạt động trong khu bay 70](#_Toc3648286)

[11. Quản lý các nguy cơ gây mất an toàn do chim, động vật hoang dã và vật nuôi gây ra 71](#_Toc3648287)

[12. Quản lý chướng ngại vật hàng không 71](#_Toc3648288)

[13. Di chuyển tàu bay không có khả năng di chuyển 72](#_Toc3648289)

[14. Quản lý vật phẩm nguy hiểm 75](#_Toc3648290)

[15. Khai thác trong điều kiện tầm nhìn hạn chế 75](#_Toc3648291)

[16. Đảm bảo hoạt động của Rada và các thiết bị dẫn đường 75](#_Toc3648292)

[17. Khí tượng hàng không 76](#_Toc3648293)

[18. Quản lý môi trường tại sân bay 77](#_Toc3648294)

[19. Báo cáo tai nạn, sự cố, vụ việc an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay 80](#_Toc3648295)

[CHƯƠNG V 81](#_Toc3648296)

[TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH VÀ HỆ THỐNG QUẢN LÝ AN TOÀN CỦA CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY 81](#_Toc3648297)

[1. Tổ chức hành chính của cảng hàng không Cà Mau 81](#_Toc3648298)

[2 Hệ thống quản lý an toàn 83](#_Toc3648299)

DANH SÁCH PHÂN PHỐI TÀI LIỆU

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Đơn vị, cá nhân sử dụng tài liệu** | **Số lượng *(quyển)*** | **Mã số** |
|  | Cục Hàng không Việt Nam | 04 | 01.01-04 |
|  | Cảng vụ hàng không miền Nam | 02 | 02.01-02 |
|  | Tổng công ty Cảng HKVN-CTCP | 02 | 07-08 |
|  | Ban Giám đốc Cảng HK Cà Mau | 02 | 09-10 |
|  | Văn phòng Cảng | 01 | 11 |
|  | Đội an ninh hàng không | 01 | 12 |
|  | Đội kỹ thuật | 01 | 13 |
|  | Đội Phục vụ hành khách | 01 | 14 |
|  | Chi nhánh Công ty bay dịch vụ hàng không (VASCO) tại Cà Mau | 01 | 15 |
|  | Đài Kiểm soát không lưu Cà Mau | 01 | 16 |
|  | Tổ Kỹ thuật máy bay (VAECO) | 01 | 17 |
|  | Trạm radar 23 | 01 | 18 |
|  | Dự phòng | 02 | 19-20 |
|  | **TỔNG CỘNG** | **20** |  |

GHI NHẬN CÁC TU CHỈNH

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ngày cập nhật** | **Tên các hạng mục và trang thay đổi** | **Ngày thay đổi** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

DANH MỤC CÁC NỘI DUNG KIỂM TRA ĐÃ THỰC HIỆN

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngày**  **kiểm tra** | **Nội dung kiểm tra** | **Kết quả**  **kiểm tra** | **Tên người *(tổ chức)* kiểm tra** | **Đại diện Người khai thác CHK,SB** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

# 

GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ VÀ CÁC CHỮ VIẾT TẮT

A. **Thuật ngữ**:

1. An ninh hàng không: là việc sử dụng các biện pháp, nguồn nhân lực, trang bị, thiết bị để phòng ngừa, ngăn chặn và đối phó với các hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng, bảo vệ an toàn cho tàu bay, hành khách, tổ bay và những người dưới mặt đất.

2. Bề mặt giới hạn chướng ngại vật: là bề mặt giới hạn độ cao tối đa của các vật thể bảo đảm an toàn cho tàu bay thực hiện các giai đoạn cất cánh, bay lên, bay theo các đường bay, vòng lượn, hạ thấp độ cao, hạ cánh; bảo đảm hoạt động bình thường cho các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời.

3. Chỉ số phân cấp mặt đường (Pavement Classification Number - PCN): là chỉ số biểu thị khả năng chịu lực của mặt đường khi tàu bay hoạt động không hạn chế trên nó.

4. Chỉ số phân cấp tàu bay (Aircraft Classification Number - ACN): là chỉ số biểu thị tác động tương đối của tàu bay lên mặt đường tương ứng với một cấp nền đường tiêu chuẩn.

5. Chướng ngại vật hàng không (Obstacle): là tất cả những vật thể tự nhiên hoặc nhân tạo (cố định hoặc di động) có thể ảnh hưởng đến bảo đảm an toàn cho hoạt động bay hoặc hoạt động bình thường của các đài, trạm thông tin, ra đa dẫn đường hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời.

6. Điểm quy chiếu sân bay (Aerodrome Reference Point): là điểm đánh dấu vị trí địa lý của sân bay.

7. Đường cất hạ cánh (Runway): là một khu vực hình chữ nhật được xác định trên mặt đất tại khu bay dùng cho tàu bay cất cánh và hạ cánh.

8. Đường lăn (Taxiway): là tuyến đường sử dụng cho tàu bay lăn từ khu vực này đến khu vực khác của cảng hàng không theo một đường đã định sẵn.

9. Khu vực hạn chế: là khu vực của cảng hàng không, sân bay và nơi có công trình, trang bị, thiết bị hàng không mà việc ra, vào và hoạt động tại đó phải tuân thủ các quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và được kiểm tra, giám sát an ninh hàng không.

10. Khu bay (Airfield): là phần sân bay dùng cho tàu bay cất cánh, hạ cánh và lăn bao gồm cả khu cất hạ cánh và các sân đỗ tàu bay.

11. Lề đường (Shoulder): là khu vực tiếp giáp với mép mặt đường được chuẩn bị tốt nhằm đảm bảo chuyển tiếp êm thuận giữa mặt đường và bề mặt tiếp giáp.

12. Khu vực bảo hiểm đầu đường CHC (RESA) (Runway end safety area) là khu vực nằm đối xứng ở hai bên đường tim kéo dài của đường CHC tiếp giáp với cạnh cuối đường CHC nhằm giảm nguy cơ hư hỏng tàu bay khi nó chạm bánh trước đường CHC hoặc chạy vượt ra ngoài đường CHC.

13. Khu vực an toàn tại vị trí đỗ tàu bay (Aicraft Safety Area on the Parking): là khu vực hạn chế nằm trong ranh giới có đường kẻ màu đỏ xung quanh khu vực đỗ của tàu bay.

14. Mã hiệu sân bay (Aerodrome Reference Code): là mã chuẩn sân bay theo các tiêu chí được quy định tại mục 1.7 Phụ lục 14 của Công ước Chicago, gồm 2 thành phần:

a) Thành phần 1: “Mã số” từ 1 đến 4 được xác định căn cứ vào giá trị chiều dài đường cất hạ cánh chuẩn sử dụng cho tàu bay dùng đường cất hạ cánh đó.

b) Thành phần 2: “Mã chữ” từ A đến F được xác định căn cứ vào chiều dài sải cánh tàu bay và khoảng cách giữa mép ngoài của các bánh ngoài của hai càng chính tàu bay.

15. Người khai thác cảng hàng không, sân bay: là tổ chức được cấp giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay.

16. Sân đỗ tàu bay (Apron): là khu vực được xác định trong sân bay dành cho tàu bay đỗ để phục vụ hành khách lên, xuống; xếp, dỡ hành lý, thư, bưu phẩm, bưu gửi, hàng hóa; tiếp nhiên liệu; cung ứng suất ăn; phục vụ kỹ thuật hoặc bảo trì tàu bay.

17. Thẻ kiểm soát an ninh hàng không cảng hàng không, sân bay: là tài liệu xác nhận người được phép vào và hoạt động trong khu vực hạn chế liên quan của cảng hàng không, sân bay.

18. Vật phẩm nguy hiểm là vũ khí, đạn dược, chất cháy, chất nổ, chất phóng xạ và các vật hoặc chất khác có khả năng gây nguy hiểm cho sức khỏe, tính mạng của con người, sự an toàn của chuyến bay.

B. Chữ viết tắt:

1. ACN *(Aircraft Classification Number):* Số phân cấp tàu bay
2. ACC *(Area Control Centre)*: Trung tâm kiểm soát đường dài.
3. ACV *(Airports Corporation of Vietnam):* Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP.
4. AD WRNG (*Aerodrome Warning*): Điện văn cảnh báo thời tiết cảng hàng không.
5. AFTN *(Aeronautical Fixed Telecommunications Network):* Mạng viễn thông cố định hàng không
6. AMHS (Air Traffic Service Message Handling System): Hệ thống xử lý điện văn dịch vụ không lưu.
7. AIP *(Aeronautical Information Publication):* Tập thông báo tin tức Hàng không.
8. AIS *(Aeronautical Information Services):* Dịch vụ thông báo tin tức hàng không
9. AMSL *(Above mean sea level):* So với mực nước biển trung bình
10. APP *(Approach Control Unit):* Cơ sở kiểm soát tiếp cận
11. ARO *(ATS Reporting office):* Phòng Thủ tục bay
12. ASDA *(Accelerated - Stop Distance Available):* Cự ly có thể dừng khẩn cấp
13. ATS *(Air traffic servies):* Dịch vụ không lưu
14. ATIS *(Automatic Terminal Information Service):* Dịch vụ thông báo tự động trong khu vực sân bay.
15. AWOS *(Automated Weather Observing System):* Hệ thống quan trắc khí tượng tự động
16. AWB *(Airway Bill):* Vận đơn hàng không.
17. CAAV *(Civil Aviation Administration of Vietnam):* Cục Hàng không Việt Nam
18. CAT *(Category):* Cấp.
19. CHC: Cất hạ cánh.
20. CSCCDV: Cơ sở cung cấp dịch vụ.
21. CSDL: Cơ sở dữ liệu.
22. DBV: Dự báo viên.
23. DME *(Distance Measuring Equypment):* Thiết bị đo cự ly.
24. DVOR *(Doppler VOR):* Đài VOR theo nguyên lý Đốp-lơ
25. HKDD: Hàng không dân dụng
26. HKQT: Hàng không quốc tế
27. HTQLAT: Hệ thống Quản lý an toàn
28. GP *(Glide Path):* Đài tầm.
29. ICAO *(International Civil Aviation Organization):* Tổ chức HKDD Quốc tế
30. ILS *(Instrument Landing System):* Hệ thống hạ cánh bằng khí tài.
31. KSANHK: Kiểm soát an ninh Hàng không.
32. KT *(Knot):* đơn vị đo tốc độ gió bằng dặm/giờ.
33. LDA *(Landing Distance Available):* Cự ly sử dụng để hạ cánh.
34. LLZ *(Localizer):* Đài hướng.
35. MET Report: Bản tin khí tượng.
36. METAR (*Routine Observation and Reports*): Bản tin báo cáo thời tiết thường lệ tại cảng hàng không, sân bay.
37. MSL *(Mean Sea Level):* So với mực nước biển trung bình.
38. MTOW *(Maximum Take - Off Weight):* Trọng tải cất cánh tối đa.
39. MWO (*Meteorological Watch Office*): CSCCDV cảnh báo thời tiết.
40. NDB *(Non - Directional Beacon):* Đài dẫn đường vô hướng sóng trung.
41. NOTAM *(Notice To Airmen):* Thông báo cho người lái.
42. OPMET (*Operational Meteorological Information*): Số liệu khí tượng khai thác.
43. PAPI (Precision Approach Path Indicator): Hệ thống đèn chỉ thị đường trượt tiếp cận chính xác
44. PCCC: Phòng cháy chữa cháy
45. PCN *(Pavement Classification Number):* Số phân cấp tầng phủ *(bề mặt).*
46. PIB *(Pre Flight Information Bulletin):* Bản tin thông báo trước chuyến bay
47. PSR *(Primary Surveillance Radar):* Rađa giám sát sơ cấp.
48. QFE *(Atmospheric Pressure at Aerodrome elevation or at runway threshold):* Áp suất khí quyển tại mức cao cảng hàng không, sân bay hoặc tại ngưỡng đường CHC
49. QNH *(Altimeter sub-scale setting to obtain elevation when on the ground):* Khí áp quy về mực nước biển trung bình theo khí quyển chuẩn ICAO.
50. QTV: Quan trắc viên.
51. RESA (Runway End Safety Areas): Bảo hiểm đầu đường CHC
52. RVR *(Runway Visual Range):* Tầm nhìn đường cất hạ cánh.
53. RWY *( Runway):* Đường cất/hạ cánh
54. SIGMET (*Significant Meteorological Information*): Bản tin cảnh báo do CSCCDV cảnh báo thời tiết liên quan đến sự xuất hiện hay dự kiến sẽ xuất hiện của các hiện tượng thời tiết trên đường bay và có khả năng uy hiếp an toàn bay.
55. SSR *(Secondary Surveillance Radar):* Rađa giám sát thứ cấp.
56. SYNOP: Số liệu khí tượng bề mặt 3 giờ/lần.
57. TAF AMD (*Amendment Aerodrome Forecast*): Bản tin dự báo thời tiết tại cảng hàng không, sân bay được bổ sung.
58. TAF (*Aerodrome Forecast*): Bản tin dự báo thời tiết tại cảng hàng không, sân bay.
59. TBTTHK: Thông báo tin tức hàng không
60. TKCN: Tìm kiếm cứu nạn
61. TRAC *(Terminal Radar Approach Control):* Rađa kiểm soát tiếp cận.
62. TREND: Dự báo thời tiết sân bay có hiệu lực dưới 2 giờ từ thời điểm quan trắc
63. TORA *(Take Off Run Available):* Đoạn chạy lấy đà có thể sử dụng.
64. TODA *(Take Off Distance Available):* Cự ly có thể cất cánh.
65. TWR *(Tower):* Đài kiểm soát tại sân bay.
66. VPTTAT: Văn phòng thường trực an toàn
67. ULD *(Unit of Loading Device):* Thiết bị chất xếp.
68. UPS *(Uninterruptible Power Supplier):* Nguồn cung cấp điện liên tục
69. VOR *(VHF Ommidirectional Radio Range*): Đài vô tuyến vạn hướng sóng VHF
70. WAFC *(World Area Forecast Center):* Trung tâm dự báo thời tiết toàn cầu.
71. WAFS: Số liệu , sản phẩm dự báo thời tiết toàn cầu.
72. WGS-84 *(World Geodetic System 1984):* Hệ trắc địa toàn cầu năm 1984
73. WMO *(World Meteorological Organization):* Tổ chức khí tượng Thế giới
74. WS WRNG (*Wind Shear Warning):* Điện văn cảnh báo hiện tượng gióđứttầng thấp.

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

1. Mục đích, yêu cầu và phạm vi áp dụng của Tài liệu khai thác sân bay – Cảng HK Cà Mau

* 1. Mục đích:

- Tài liệu khai thác sân bay – Cảng HK Cà Mau là căn cứ để Cục Hàng không Việt Nam thực hiện quy trình thẩm định,cấp Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay theo quy định tại Điều 51 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2006, Điều 39 Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 của Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

- Tài liệu khai thác sân bay là cơ sở để các cơ quan chức năng, lực lượng Giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay của Cục Hàng không Việt Nam lập danh mục kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn, khuyến nghị, các quy trình khai thác và chất lượng dịch vụ được cung cấp tại sân bay. Việc kiểm tra, giám sát sẽ được thực hiện trong quá trình thẩm định cấp Giấy chứng nhận khai thác sân bay và trong quá trình hoạt động khai thác thực tế.

- Tài liệu khai thác sân bay cung cấp các thông tin và hướng dẫn cần thiết thông qua việc mô tả các Quy trình khai thác, cung cấp dịch vụ làm cơ sở cho người đại diện/ người được ủy quyền/ đối tác cung cấp dịch vụ/ cán bộ, công nhân viên của người khai thác Cảng hàng không Cà Mau tham chiếu trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

* 1. Yêu cầu:

- Các thông tin trong tài liệu cần ghi rõ sân bay đáp ứng được các quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc gia, các tiêu chuẩn và khuyến cáo thực hành của các tổ chức quốc tế như ICAO, IATA, ACI… để đảm bảo an toàn cho hoạt động của tàu bay và chất lượng dịch vụ cung cấp cho người sử dụng cảng hàng không Cà Mau.

- Lập Danh mục không đáp ứng trong Tài liệu khai thác sân bay đối với các hạng mục công trình không đáp ứng quy chuẩn, tiêu chuẩn khai thác theo quy định.

- Tài liệu khai thác sân bay phải được cập nhật các nội dung thay đổi liên quan đến các nội dung của tài liệu và trình Cục HKVN phê duyệt. Người khai thác cảng hàng không Cà Mau có trách nhiệm cập nhật tài liệu khai thác sân bay theo quy định.

* 1. Phạm vi áp dụng:

Áp dụng cho Cục HKVN, Cảng vụ hàng không miền Nam, Người khai thác Cảng HK Cà Mau và các đơn vị có liên quan đến hoạt động bay và cung cấp dịch vụ hàng không tại Cảng hàng không Cà Mau.

2. Căn cứ pháp lý và tài liệu viện dẫn

2.1 Căn cứ pháp lý

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam 2014.

- Luật phòng cháy và chữa cháy năm 2001 và Luật sữa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy chữa cháy năm 2013.

~~- Pháp lệnh về phòng chống lụt bão năm 1993 và pháp lệnh số 27/2000/PL-UBTVQH ngày 24 tháng 8 năm 2000 của Ủy ban thường vụ Quốc hội sửa đổi bổ sung một số điều của Pháp lệnh phòng chống lụt bão.~~ Luật phòng chống thiên tai 2013

- Nghị định 75/2007/NĐ-CP ngày 09/5/2007 của Chính phủ về Điều tra tai nạn, sự cố tàu bay.

~~- Nghị định 14/2010/NĐ-CP ngày 27/2/2010 của Thủ tướng chính phủ Quy định về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ chế phối hợp của Ban chỉ đạo phòng, chống lụt, bão Trung ương, Ban chỉ đạo phòng, chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn các Bộ, ngành và địa phương.~~

- Nghị định 66/2014/NĐ-CP ngày 04/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phòng, chống thiên tai.

- Nghị định 79/2014/NĐ-CP ngày 31/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sữa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy.

- Nghị định 92/2015/NĐ-CP ngày 31/10/2015 của Chính phủ về An ninh hàng không.

- Nghị định 102/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về Quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

- Nghị định 125/2015/NĐ-CP ngày 04/12/2015 của Chính phủ Quy định Chi tiết về Quản lý hoạt động bay.

- Nghị định 32/2016/NĐ-CP ngày 06/5/2016 của Chính phủ Quy định về Quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam.

- Nghị định 44/NĐ-CP ngày 13/03/2018 của Chính phủ Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không

- Thông tư 53/2012/TT-BGTVT ngày 25/12/2012 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động hàng không dân dụng.

- Thông tư số 34/2014/TT-BGTVT ngày 11/8/2014 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành QCVN “Sơn tín hiệu trên đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay”.

- Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01/02/2016 của Bộ GTVT quy định chi tiết Chương trình An ninh hàng không dân dụng Việt Nam và kiểm soát chất lượng An ninh hàng không dân dụng; Thông tư số 45/TT-BGTVT ngày 17/11/2017 của Bộ GTVT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 01/2016/TT-BGTVT ngày 01/02/2016 của Bộ GTVT quy định chi tiết Chương trình An ninh hàng không dân dụng Việt Nam và kiểm soát chất lượng An ninh hàng không dân dụng; Thông tư 02/2018/TT-BGTVT ngày 09/01/2018 của Bộ GTVT quy định ngưng hiệu lực một phần thông tư số 45/TT-BGTVT ngày 17/11/2017 của Bộ Giao thông vận tải về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 01/2016/TT-BGTVT ngày 01/02/2016 của Bộ GTVT quy định chi tiết Chương trình An ninh hàng không dân dụng Việt Nam và kiểm soát chất lượng An ninh hàng không dân dụng.

- Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 của Bộ Giao thông vận tải Quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay; Thông tư 51/2018/TT-BGTVT ngày 19/9/2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 của Bộ Giao thông vận tải Quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

- Thông tư số 48/2016/TT-BGTVT ngày 30/12/2016 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về bảo trì công trình hàng không dân dụng.

- Thông tư số 19/2017/TT-BGTVT ngày 06/6/2017 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về quản lý và bảo đảm hoạt động bay.

- Thông tư số 27/2017/TT-BGTVT ngày 25/08/2017 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT ngày 29/8/2014 của Bộ Giao thông vận tải Quy định chất lượng dịch vụ hành khách tại cảng hàng không.

- Thông tư số 04/2018/TT-BGTVT ngày 23/01/2018 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về việc bảo đảm kỹ thuật nhiên liệu hàng không.

~~- Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGTVT ngày 03/01/2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về phương thức bay hàng không dân dụng.~~

~~- Quyết định 26/2007/QĐ-BGTVT ngày 23/5/2007 của Bộ Giao thông vận tải về ban hành Quy chế tìm kiếm cứu nạn hàng không dân dụng.~~

- Quyết định số 33/2012/QĐ-TTg ngày 06/8/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế Phối hợp tìm kiếm cứu nạn Hàng không dân dụng;

- Quyết định 349/QĐ-BGTVT ngày 05/02/2013 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt Chương trình an toàn đường cất hạ cánh.

- Quyết định số 399/QĐ-CHK ngày 25/02/2015 của Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam về việc ban hành Quy chế báo cáo an toàn hàng không.

- Quyết định số 16/2017/QĐ-TTg ngày 16/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Phương án khẩn nguy tổng thể đối phó với hành vị can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng.

- Quyết định 1272/QĐ-CHK ngày 09/6/2017 của Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam về việc Hướng dẫn lập Tài liệu khai thác sân bay và Tài liệu khai thác công trình.

2.2 Tài liệu viện dẫn:

- Phụ ước 2 về Quy tắc bay;

- Phụ ước 4 về Bản đồ, sơ đồ hàng không;

- Phụ ước 5 về Đơn vị đo lường hàng không;

- Phụ ước 10 về Thông tin liên lạc hàng không;

- Phụ ước 11 về Dịch vụ điều hành bay;

- Phụ ước 12 về Tìm kiếm cứu nạn hàng không;

- Phụ ước 13 về Điều tra sự cố và tai nạn tàu bay;

- Phụ ước 14 về Tiêu chuẩn và khuyến nghị thực hành (SARPs) về thiết kế và khai thác sân bay;

- Phụ ước 15 về Dịch vụ thông báo tin tức hàng không;

- Phụ ước 17 về An ninh hàng không;

- Phụ ước 19 về Hệ thống quản lý an toàn;

- Sổ tay hướng dẫn cấp chứng chỉ sân bay (Doc 9774 –AN/969) của ICAO;

- Sổ tay hướng dẫn Thông báo tin tức Hàng không (Doc 8126 ICAO );

- Sổ tay hướng dẫn an ninh bảo vệ hàng không dân dụng ngăn chặn các hành vi can thiệp bất hợp pháp (Doc 8973ICAO );

- Sổ tay hướng dẫn quản lý an toàn (Doc 9859-AN/474- ICAO);

- Sổ tay hướng dẫn về các dịch vụ sân bay (Doc 9137 ICAO);

- Sổ tay hướng dẫn thiết kế sân bay (Doc 9157/AN901 ICAO).

3. Quy trình sửa đổi, bổ sung tài liệu

3.1 Trách nhiệm sửa đổi, bổ sung tài liệu:

Căn cứ vào tình hình hoạt động khai thác tại sân bay Cà Mau và theo hướng dẫn, chỉ đạo của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam-CTCP, nếu có những thay đổi, các đơn vị hoạt động tại cảng phải gửi các nội dung liên quan tới Người khai thác Sân bay Cà Mau theo địa chỉ:

* Ông Phạm Thanh Lâm Giám đốc Cảng HK Cà Mau
* Tel: (0290) 3836410 – 0903.700.465 Fax: (0290) 3830128
* Địa chỉ: Cảng hàng không Cà Mau, số 93, Lý Thường Kiệt, P6, TP Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

3.2 Quy trình bổ sung, tu chỉnh tài liệu.

- Việc tu chỉnh toàn bộ tài liệu khai thác sân bay - Cảng HK Cà Mau được thực hiện 1 năm/lần vào Quý IV hàng năm. Giám đốc Cảng HK Cà Mau có trách nhiệm rà soát các nội dung thay đổi bổ sung trong tài liệu (các nội dung thay đổi phải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và chấp thuận bằng văn bản), báo cáo Tổng công ty Cảng HKVN-CTCP trình Cục HKVN xem xét phê duyệt theo quy định. Những nội dung bổ sung tu chỉnh trong tài liệu sau khi được Cục HKVN phê duyệt phải được thông báo đến các cơ quan, đơn vị có liên quan để triển khai thực hiện.

- Các nội dung thay đổi được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản cần phải bổ sung ngay vào Tài liệu khai thác sân bay - Cảng HK Cà Mau. Sau khi có văn bản phê duyệt của Cục HKVN đối với nội dung thay đổi có liên quan đến Tài liệu khai thác sân bay - Cảng HK Cà Mau, Giám đốc Cảng HK Cà Mau chịu trách nhiệm ban hành bản bổ sung, tu chỉnh để cập nhật các nội dung thay đổi vào Tài liệu khai thác sân bay - Cảng HK Cà Mau, báo cáo bằng văn bản đến Tổng công ty Cảng HKVN-CTCP và thông báo đến các cơ quan, đơn vị liên quan để triển khai thực hiện; Bản bổ sung tu chỉnh tạm thời được in trên giấy màu vàng và hết hiệu lực ngay sau khi đã tu chỉnh toàn bộ Tài liệu khai thác sân bay - Cảng HK Cà Mau theo chu kỳ 01 lần/năm.

- Các quyết định tạm thời của Giám đốc Cảng HK Cà Mau và Tổng công ty Cảng HKVN-CTCP phải được ghi nhận vào trang “Ghi nhận các tu chỉnh” và đính kèm tài liệu.

4. Các điều kiện chung để khai thác sân bay

4.1 Về tính chất khai thác

- Sân bay Cà Mau là sân bay đạt cấp 3C theo tiêu chuẩn ICAO.

- Là sân bay nội địa kết hợp hoạt động bay dân dụng với hoạt động bay quân sự, được phép tiếp nhận các chuyến bay thường lệ, không thường lệ và các tàu bay tư nhân được Cục hàng không cấp phép.

- Sân bay Cà Mau có 01 đường CHC 09/27 mặt phủ bê tông nhựa, phục vụ chủ yếu cho các hoạt động bay hàng không dân dụng.

- Sân bay Cà Mau có khả năng tiếp thu các loại tàu bay ATR72 và các loại tàu bay khác có tính năng kỹ thuật và trọng tải tương đương trở xuống.

4.2 Giờ hoạt động, tên, địa chỉ, số điện thoại liên lạc của các cơ quan hoạt động tại sân bay Cà Mau.

Thống nhất kẻ bảng

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **SStt** | **Tên cơ quan, đơn vị** | **Giờ hoạt động** | **Địa chỉ** | **Số điện thoại**  **Fax/Email** |

* 1. Người khai thác Sân bay Cà Mau:
* Ông Phạm Thanh Lâm - Giám đốc Cảng hàng không Cà Mau
* Địa chỉ: Cảng hàng không Cà Mau, số 93, Lý Thường Kiệt, Phường 6, TP Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam.
* Điện thoại: Tel: (0290) 3836410 – 0903.700.465
* Fax: (0290) 3830128
* E-mail: ptlam@vietnamairport.vn
* Thời gian hoạt động: 12/24 giờ *(ban ngày)*
  1. Đại diện Cảng vụ hàng không Miền Nam tại Cà Mau:
* Ông Huỳnh Quang Phong - Trưởng Đại diện CVHKMN tại Cà Mau
* Địa chỉ: Cảng hàng không Cà Mau, số 93, Lý Thường Kiệt, Phường 6, TP Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam.
* Điện thoại: 0290.3562062 Di động: 0939.554.191
* Fax: 0290.3562007
* E-mail: quangphongsaa@gmail.com
* Thời gian hoạt động: 12/24 giờ
  1. Chi nhánh Công ty bay dịch vụ hàng không VASCO tại Cà Mau:
* Bà Huỳnh Thị Ngọc Nhân - Trưởng Chi nhánh Công ty bay dịch vụ hàng không VASCO tại Cà Mau.
* Địa chỉ: Cảng hàng không Cà Mau, số 93, Lý Thường Kiệt, Phường 6, TP Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam.
* Điện thoại: 0290.3567667 Di động: 0916162100
* Fax: 0290.6251666
* E-mail: camaubranch@vasco.com.vn
* Thời gian hoạt động: 12/24 giờ
  1. Đài kiểm soát không lưu Cà Mau *(thuộc Công ty Quản lý bay Miền Nam):*
* Bà Hồ Thị Thư –Đài phó phụ trách Đài KSKL Cà Mau
* Địa chỉ: Cảng hàng không Cà Mau, số 93, Lý Thường Kiệt, Phường 6, TP Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam.
* Điện thoại: 0290.3837681 Di động: 0918.174457
* Fax: 0290.3837681
* E-mail: hothuvatm@gmail.com
* Thời gian hoạt động: 12/24 giờ

5. Hệ thống thông báo tin tức hàng không hiện có và các thủ tục thông báo

5.1 Hệ thống thông báo tin tức hàng không tại Cảng HK Cà Mau

Đơn vị cung cấp dịch vụ thông báo tin tức hàng không tại Cảng HK Cà Mau là Trung tâm ARO/AIS Cà Mau - Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam.

5.2 Quy chế phối hợp và hiệp đồng:

Thực hiện theo Văn bản hiệp đồng bảo đảm dịch vụ thông báo tin tức hàng không giữa Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam và Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP ngày …./11/2018.

Văn bản hiệp đồng bảo đảm dịch vụ hoạt động bay tại Cảng hàng không Cà Mau giữa Công ty quản lý bay Miền Nam và Cảng hàng không Cà Mau có hiệu lực từ ngày ~~01/01/2017~~.

6. Hệ thống thống kê hoạt động cất hạ cánh của tàu bay tại sân bay Cà Mau

6.1 Cơ quan thống kê

Cảng hàng không Cà Mau chịu trách nhiệm thống kê và báo cáo số lần hoạt động cất, hạ cánh và vận chuyển thương mại của tàu bay tại Sân bay Cà Mau.

Đội Phục vụ hành khách - Cảng hàng không Cà Mau là bộ phận giúp việc cho người khai thác Sân bay Cà Mau thực hiện công tác thống kê và báo cáo số lần hoạt động cất, hạ cánh và vận chuyển thương mại của tàu bay tại Sân bay Cà Mau.

6.2 Chế độ báo cáo

Số liệu được báo cáo định kỳ theo tuần, tháng, sáu tháng và hàng năm về Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam-CTCP, Cục Hàng không Việt Nam, đại diện Cảng vụ hàng không miền Nam tại Cà Mau theo quy định tại ~~Thông tư số 14/2009/TT-BGTVT ngày 04 tháng 08 năm 2009 của Bộ Giao thông vận tải về Quy định việc báo cáo hoạt động và số liệu thống kê trong ngành hàng không dân dụng.~~ Thông tư số 33/2016/TT-BGTVT ngày 15/11/2016 của Bộ Giao thông vận tải về Quy định việc báo cáo hoạt động và báo cáo số liệu trong ngành hàng không dân dụng Việt Nam.

6.3 Nội dung thống kê:

Dựa trên cơ sở số liệu tổng hợp mỗi ngày, Đội Phục vụ hành khách cung cấp số liệu thống kê ngày, tuần, tháng, quý, năm. Nội dung thống kê gồm:

* Thống kê so sánh sản lượng vận chuyển tăng, giảm của từng thời kỳ: so với tuần trước, tháng trước, so với năm trước, so với cùng kỳ năm trước, để phục vụ cho công tác dự báo sản lượng vận chuyển.
* Thống kê sản lượng hàng hóa, hành lý, bưu gửi vận chuyển theo từng chuyến bay đến/đi;
* Thống kê sản lượng vận chuyển của từng Hãng hàng không đang khai thác tại Sân bay Cà Mau;
* Thống kê số lần cất hạ cánh theo từng mục đích khai thác (nội địa, thương mại, quân sự, huấn luyện, thuê chuyến).

7. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Người khai thác Cảng hàng không Cà Mau

7.1 Chức năng

- Quản lý, vận hành, khai thác toàn bộ cơ sở hạ tầng và các trang thiết bị tại Cảng HK Cà Mau do Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam-CTCP (ACV) giao.

- Bảo đảm an ninh, an toàn hàng không theo quy định pháp luật hiện hành.

- Cung cấp các dịch vụ hàng không và phi hàng không tại Cảng HK Cà Mau.

- Thực hiện các chức năng khác được Tổng công ty phân công.

7.2 Nhiệm vụ

- Đảm bảo tính chính xác của các thông tin được đề cập trong Tài liệu khai thác sân bay tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn do các cấp có thẩm quyền quy định.

- Triển khai thực hiện hoạt động khai thác và cung cấp dịch vụ tại sân bay Cà Mau theo đúng các quy trình được nêu trong Tài liệu khai thác đã được phê duyệt.

- Tuyển dụng và đảm bảo đầy đủ số lượng cán bộ, công nhân viên có đủ năng lực để thực hiện hoạt động khai thác tại sân bay Cà Mau theo phân cấp của Tổng công ty (bao gồm việc sử dụng các nhân viên hàng không có đầy đủ chứng chỉ chuyên môn và giấy phép theo quy định của pháp luật).

- Triển khai các hoạt động kiểm tra, giám sát nội bộ để đảm bảo an toàn và hiệu quả các hoạt động khai thác tại Cảng hàng không Cà Mau.

- Cung cấp các hồ sơ, tài liệu và phối hợp với lực lượng Giám sát an toàn của Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ Hàng không miền Nam trong việc kiểm tra, giám sát hoạt động của các hệ thống trang thiết bị, cung cấp dịch vụ vì mục tiêu đảm bảo an ninh an toàn hàng không.

- Báo cáo Tổng giám đốc Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam-CTCP định kỳ 3 tháng một lần vào đầu tháng của quý kế tiếp, hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu về các nội dung:

* Tình hình khai thác sân bay Cà Mau;
* Những thay đổi (nếu có) trong tài liệu khai thác sân bay Cà Mau;
* Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo điều lệ của Cảng hàng không Cà Mau theo Quy chế hoạt động Cảng hàng không Cà Mau ban hành theo Quyết định số 21/QĐ-HĐQT ngày 09/01/2017 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Cảng hàng không Cà Mau;
* Thường xuyên cập nhật thông tin về những thay đổi của sân bay Cà Mau để đề nghị đưa vào tài liệu khai thác sân bay Cà Mau.

7.3 Quyền hạn

- Cảng HK Cà Mau tổ chức thực hiện các quyền hạn về tài chính, về đầu tư tài sản, quản lý lao động và bổ nhiệm Cán bộ theo phân cấp của Tổng công ty.

- Được quyền đề xuất với Tổng công ty các giải pháp, chiến lược kinh doanh và quản lý để tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

- Ban hành các quy định về quản lý, khai thác Cảng không trái với các quy định của Tổng công ty và các quy định khác do Nhà nước ban hành.

- Ban hành các quy định về công tác quản lý tài chính, công tác kế toán tại đơn vị phù hợp với quy định của Tổng công ty và các quy định về chế độ kế toán do Nhà nước ban hành.

- Xây dựng và trình Hội đồng quản trị thẩm định trước khi ban hành các định mức kinh tế kỹ thuật để thực hiện.

- Thực hiện các quyền hạn khác theo phân cấp của Tổng công ty.

CHƯƠNG II

THÔNG TIN CHUNG VỀ CẢNG HÀNG KHÔNG CÀ MAU

1. Tên cảng hàng không Cà Mau

-Tên tiếng Việt: Cảng hàng không Cà Mau – Chi nhánh Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP

- Tên tiếng Anh: Ca Mau Airport

- Mã sân bay theo ký hiệu của ICAO: VVCM

- Mã sân bay theo ký hiệu của IATA: CAH

2. Vị trí cảng hàng không Cà Mau

Cảng hàng không Cà Mau nằm trên địa bàn phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

* Phía Đông giáp với khóm 7, phường 6, thành phố Cà Mau
* Phía Tây giáp khóm 4 và khóm 5, phường 6, thành phố Cà Mau
* Phía Nam giáp với khóm 5 và khóm 7, phường 6, thành phố Cà Mau
* Phía Bắc giáp với khóm 5 và khóm 7, phường 6, thành phố Cà Mau
* Tính từ điểm quy chiếu, Cảng HK Cà Mau cách trung tâm thành phố Cà Mau 3km.
* Khoảng cách các sân bay gần nhất:

+ Sân bay TSN: khoảng cách 350 Km về phía Bắc

+ Sân bay Cần Thơ: khoảng cách …

+ Sân bay Rạch Giá: khoảng cách …

3. Tọa độ điểm quy chiếu sân bay

Điểm quy chiếu của Cảng hàng không Cà Mau là giao điểm của trục tim đường CHC và tim đường lăn vào sân đỗ tàu bay có tọa độ: 09010’39.0633”N – 105010’33.5550”E (hệ tọa độ WGS-84)

* ~~Múi giờ: GMT + 07;~~
* ~~Độ lệch từ tại sân bay: -0~~~~0~~~~16’W~~

4. Mức cao sân bay và địa thế cảng hàng không, sân bay

- Mức cao sân bay so với mực nước biển trung bình (m): 2m (so với mực nước biển trung bình - MSL).

- Mức cao ngưỡng đường cất hạ cánh (m):

* Mức cao ngưỡng đường CHC 09: 1,562m (MSL)
* Mức cao ngưỡng đường CHC 27: 1,464m (MSL)

- Địa thế sân bay: Sân bay Cà Mau có địa hình bằng phẳng, độ cao trung bình từ 1 đến 2m, bao quanh sân bay là các sông, kênh rạch.

5. Cấp cứu hỏa sân bay

Cảng hàng không Cà Mau được công bố: Cấp 5 (Theo quyết định 293/QĐ-CHK ngày 27/10/2010 của Cục Hàng không Việt Nam về việc công bố cấp cứu hoả tại các cảng hàng không, sân bay, cấp cứu hoả).

6. Nhiệt độ tham chiếu tại sân bay

Nhiệt độ trung bình tháng nóng nhất trong năm (đo lúc 13 giờ)trong 10 năm từ năm 2008 đến hết năm 2018 tại Cảng HK Cà Mau, cụ thể theo bảng sau: (trích nguồn từ Hệ thống khí tượng Vaisala, AWOS cập nhật theo từng phút của Cảng HK Cà Mau)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhiệt độ** | **Năm** | | | | | | | | | | |
| Trung bình cực đại (°C) | 2008 | 2009 | 2010 | 2011 | 2012 | 2013 | 2014 | 2015 | 2016 | 2017 | 2018 |
| 34 | 34 | 35 | 34 | 33 | 34 | 34 | 35 | 35 | 33 | 33 |

7. Tên, địa chỉ, số điện thoại liên lạc (24/24 giờ) của người khai thác Cảng hàng không Cà Mau

* Họ và tên: Phạm Thanh Lâm
* Chức vụ: Giám đốc Cảng hàng không Cà Mau
* Địa chỉ: Cảng hàng không Cà Mau, số 93, Lý Thường Kiệt, phường 6, T.p Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
* Điện thoại: (0290) 3.836.410
* Di động: 0903.700.465
* Fax: (0290) 3.830.128
* Email: ptlam@vietnamairport.vn

8. Các loại bản đồ, sơ đồ

* Phụ lục 1: Bản đồ tổng thể cảng hàng không, sân bay, Bản đồ ranh giới cảng hàng không, sân bay.
* Phụ lục 2: Bản đồ chỉ vị trí tương đối của cảng hàng không, sân bay đến trung tâm thành phố, thị xã và vị trí các công trình, trang thiết bị nằm ngoài hàng rào cảng hàng không, sân bay và giới hạn độ cao chướng ngại vật.
* Phụ lục 3: Bản đồ tiếng ồn tại khu vực cảng hàng không, sân bay: Chưa có
* Phụ lục 4: Sơ đồ chướng ngại vật hàng không.
* Phụ lục 5: Sơ đồ các vùng ảnh hưởng đến hoạt động bay của đèn laze, thiết bị chiếu sáng với cường độ cao.
* Phụ lục 6: Sơ đồ địa hình tiếp cận chính xác, khu vực tiếp cận, Sơ đồ phương thức tiếp cận sử dụng thiết bị, phương thức tiếp cận bằng mắt.
* Phụ lục 7: Sơ đồ hướng dẫn di chuyển mặt đất, hệ thống đường giao thông trong khu bay.
* Phụ lục 8: Sơ đồ sân đỗ, vị trí đỗ tàu bay.
* Phụ lục 9: Sơ đồ phương thức khởi hành tiêu chuẩn sử dụng thiết bị (SID): Chưa có, kiểm tra trong DAP
* Phụ lục 10: Sơ đồ phương thức đến tiêu chuẩn sử dụng thiết bị (STAR): Chưa có, kiểm tra trong DAP
* Phụ lục 11: Các loại sơ đồ, bản đồ phục vụ cho hoạt động bay.

9. Các chi tiết quyền sử dụng đất Cảng hàng không Cà Mau

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI521642 ngày 14 tháng 12 năm 2012 của Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp cho Cảng vụ hàng không miền Nam

- Diện tích đất quy hoạch xây dựng sân bay theo quyết định số 4149/QĐ-BGTVT ngày 03/11/2014 của Bộ Giao Thông Vận Tải về việc phê duyệt Quy hoạch điều chỉnh Cảng hàng không Cà Mau, tỉnh Cà Mau giai đoạn đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 là 244,43 ha, trong đó diện tích sử dụng đất được phân bổ theo các khu vực như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + | + Diện tích đất khu bay dùng chung | 166,00 ha |
| + | + Diện tích đất do HKDD quản lý | 35,37 ha |
| + | + Diện tích đất quân sự do quân sự quản lý | 40,00 ha |
| + | + Diện tích đài VOR-DME dùng chung | 1,00 ha |
| + | + Diện tích đất HKDD hiện hữu chuyển đổi thành khu vực dịch vụ hàng không | 2,06ha |

CHƯƠNG III

CÁC THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ SÂN BAY

1. Đường cất hạ cánh

Sân bay Cà Mau có 1 đường cất hạ cánh với các số liệu cụ thể như sau:

1.1 Ký hiệu đường cất hạ cánh: 09/27.

1.2 Hướng đường cất hạ cánh: 91032’17” – 271032’17”.

1.3 Độ lệch từ: -0016’W.

1.4 Kích thước đường cất hạ cánh ~~(làm tròn đến đơn vị mét):~~

- Chiều dài: 1500m.

- Chiều rộng: 30m.

1.5 Kích thước lề đường cất hạ cánh ~~(làm tròn đến đơn vị mét)~~

Không có lề đường cất hạ cánh

1.6 Độ dốc dọc trung bình và độ dốc ngang điển hình của đường cất hạ cánh.

- Độ dốc dọc trung bình: 0,017%

- Độ dốc ngang điển hình: 0,8%

1.7 Tọa độ ngưỡng ~~(nếu có)~~ theo WGS - 84 (~~chính xác đến % giây~~).

* ~~Tọa độ ngưỡng~~ Đầu đường CHC 09: 09o10’39,5351”N-105o10’15,7763”E*.*
* ~~Tọa độ ngưỡng~~ Đầu đường CHC 27: 09o10’38,2237”N-105o11’04,8939”E.

1.8 Mức cao ngưỡng ~~và ngưỡng dịch chuyển~~ ~~(nếu có) (chính xác đến m đối với đường CHC tiếp cận giản đơn và đến 1/4m đối với đường CHC tiếp cận chính xác)~~

* Mức cao đầu đường CHC 09: 1,562m

- Mức cao đầu đường CHC 27: 1,464m

1.9 Loại tầng phủ mặt đường cất hạ cánh, sức chịu tải đường cất hạ cánh ~~công bố theo phương pháp ACN/PCN; loại tầng phủ bề mặt lề đường cất hạ cánh.~~

* Tầng phủ mặt đường CHC: Bê tông nhựa
* Sức chịu tải đường CHC: PCN=16/F/C/Y/T

1.10 Vùng không có chướng ngại vật (OFZ) trong trường hợp tiếp cận hạ cánh chính xác.

~~Sân bay Cà Mau là khoảng không gian phía trên bề mặt tiếp cận trong, bề mặt chuyển tiếp trong, bề mặt tiếp cận hụt và các bề mặt giới hạn chướng ngại vật~~ *~~(OLS - Obstacle Limitation Surface)~~* ~~khác đảm bảo không chướng ngại vật nhô lên.~~

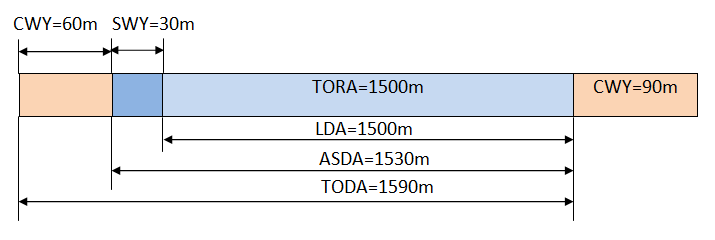
Cảng hàng không Cà Mau không áp dụng.

1.11 Kích thước dải bay, khu vực bảo hiểm hai đầu đường cất hạ cánh, đoạn dừng và khoảng trống đầu đường cất hạ cánh.

* Kích thước dải bay*:*1650m x 150m
* Dải bảo hiểm hai bên sườn đường CHC bằng đất: 1500m x 50m.
* Đoạn dừng:
* Đầu 09: 30m x 30m
* Đầu 27: Không có
* Khoảng trống*:*
* CHC 09: 90m x 80m
* CHC 27: 90m x 80m
* Bảo hiểm cuối đường CHC:
* Chưa thực hiện đo đạc và công bố

1.12 Các cự ly công bố:

+ Sơ đồ thể hiện các cự ly công bố (vẽ lại sơ đồ cwy đầu 09 = 90m)



+ TORA, TODA, ASDA, LDA

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ký hiệu đường CHC** | **Cự ly chạy đà TORA (m)** | **Cự ly có thể cất cánh TODA (m)** | **Cự ly có thể dừng khẩn cấp**  **ASDA (m)** | **Cự ly có thể hạ cánh**  **LDA (M)** |
| 09 | 1500m | 1590m | 1500m | 1500m |
| 27 | 1500m | 1590m | 1530m | 1500m |

1.13 Mô tả vị trí, tọa độ của các chướng ngại vật ảnh hưởng nhất trong các khu vực tiếp cận hạ cánh, cất cánh, vòng chờ, khu vực lân cận sân bay.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Tên chướng ngại vật** | **Độ cao (m)** | **Phương vị (độ )** | **Cự ly (m)** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

1.14 Hệ số ma sát đường cất hạ cánh.

Hiện tại, Cảng hàng không Cà Mau chưa thực hiện đo xác định hệ số ma sát đường cất hạ cánh

1.15 Lựa chọn và sử dụng đường cất hạ cánh.

Việc sử dụng đường CHC phải tuân thủ nghiêm ngặt quy định tại Quy chế bay trong khu vực sân bay Cà Mau.

2. Đường lăn

2.1 Ký hiệu đường lăn, loại đường lăn

Sân bay Cà Mau có 01 đường lăn nằm vuông góc với đường CHC và sân đỗ tàu bay, nối liền giữa đường CHC và sân đỗ tàu bay.

2.2 Kích thước đường lăn

- Chiều dài: 80m.

- Chiều rộng: 14,5m.

2.3 Kích thước lề đường lăn

Không có.

2.4 Độ dốc dọc trung bình và độ dốc ngang điển hình của đường lăn.

Không có số liệu – kiểm tra lại

2.5 Loại tầng phủ mặt đường lăn, sức chịu tải đường lăn công bố theo phương pháp ACN/PCN; loại tầng phủ bề mặt lề đường lăn.

* Tầng phủ mặt đường lăn: Bê tông nhựa
* Sức chịu tải đường lăn: PCN=16/F/C/Y/T

2.6 Kích thước dải lăn

- Chiều dài: 80m.

- Chiều rộng: 52m.

2.7 Những hạn chế/lưu ý của đường lăn (nếu có).

Có khả năng tiếp thu tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống.

2.8 Trường hợp có những đường lăn phục vụ riêng cho hoạt động bay quân sự, người khai thác cảng hàng không, sân bay nêu rõ ký hiệu đường lăn, vị trí đường lăn.

Không có đường lăn phục vụ riêng cho hoạt động bay quân sự.

3. Sân đỗ

3.1 Ký hiệu:

Số 1 và số 2

3.2 Kích thước, kiểu loại*:*

Kích thước:

Sân đỗ tàu bay phục vụ hành khách, hàng hóa, quân sự, biệt lập.

3.3 Loại tàu bay khai thác đối với từng vị trí đỗ:

- Có 1 sân đỗ với 02 vị trí đỗ.

- Loại tàu bay khai thác đối với 02 vị trí đỗ là ATR72 và tương đương trở xuống.

3.4 Tọa độ các vị trí đỗ tàu bay, vị trí của các hệ thống chỉ dẫn chuyển động tàu bay trên mặt đất:

Tọa độ các vị trí đỗ tàu bay:

- Số 1: 09°10'34,6864"N - 105°10'32,1513"E

- Số 2: 09°10'34,6453"N - 105°10'34,7363"E

3.5 Loại tầng phủ bề mặt của sân đỗ, sức chịu tải theo phương pháp PCN/ACN.

* Tầng phủ bề mặt của sân đỗ: Bê tông nhựa
* Sức chịu tải của sân đỗ: PCN=16/F/C/Y/T

3.6 Phương án vận hành tàu bay từ đường cất hạ cánh, đường lăn vào sân đỗ và ngược lại:

- Tàu bay từ đường cất hạ cánh, đường lăn vào sân đỗ và ngược lại được thực hiện theo huấn lệnh của kiểm soát viên không lưu và nhân viên đánh tín hiệu tàu bay.

- ~~Tất cả các~~ Phương tiện, trang thiết bị mặt đất ~~đều~~ được tập kết tại nhà xe, cách sân đỗ tàu bay khoảng 30m về hướng Tây so với sân đỗ tàu bay.

- ~~Trên sân đỗ đã bố trí~~ Hố neo đậu tàu bay: 02 hố, ~~neo đậu~~ phục vụ cho tàu bay ATR72. ~~Trong đó 01 vị trí hố neo không trùng với vạch dừng của tàu bay tại bãi đỗ số 01 và 01 vị trí hố neo nằm ngoài bãi đỗ tàu bay số 02~~. (Tham khảo sơ đồ tại phụ lục …)

3.7 Quy trình khai thác, phương án cung cấp dịch vụ đối với từng vị trí đỗ.

- Phương án khai thác: Sân đỗ được bố trí 02 vị trí đỗ, sử dụng cho loại tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống.

- Phương án vận hành tàu bay: Tàu bay tự lăn vào/ lăn ra.

~~- Trên sân đỗ tàu bay có bố trí 02 hố neo đậu cho tàu bay ATR72.~~

- ~~Chỉ được phép nổ động cơ ở chế độ không tải phục vụ cho các hoạt động kiểm tra, sửa chữa tàu bay và phải được sự cho phép của Đài Kiểm soát không lưu.~~

~~- Không được phép đậu tàu bay theo hướng động cơ thổi về phía nhà ga hành khách.~~

~~- Sân bay Cà Mau không có dịch vụ xe dẫn (Follow me car) nên tổ bay phải quan sát kỹ các tín hiệu, biển báo chỉ dẫn tại sân đỗ tàu bay và trên khu bay.~~

3.8 Những hạn chế/lưu ý tại sân đỗ

- Không bố trí đỗ tàu bay hướng đuôi tàu bay vào nhau; khi bố trí đỗ tàu bay theo cùng một hướng (Trường hợp khai thác cả 2 vị trí đỗ với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống), khai thác tàu bay phải theo nguyên tắc: Tàu bay đến trước thì khai thác và khởi hành trước, tàu bay đến sau thì khai thác và khởi hành sau.

- Chỉ được phép nổ động cơ ở chế độ không tải phục vụ cho các hoạt động kiểm tra, sửa chữa tàu bay và phải được sự cho phép của Đài Kiểm soát không lưu.

- Không được phép đậu tàu bay theo hướng động cơ thổi về phía nhà ga hành khách.

- Sân bay Cà Mau không có dịch vụ xe dẫn (follow me) nên tổ bay phải quan sát kỹ các tín hiệu, biển báo chỉ dẫn tại sân đỗ tàu bay và trên khu bay.

3.9 Trường hợp có những sân đỗ phục vụ riêng cho hoạt động bay quân sự, người khai thác cảng hàng không, sân bay nêu rõ ký hiệu sân đỗ, vị trí sân đỗ.

Sân bay Cà Mau không có sân đỗ phục vụ riêng cho hoạt động bay quân sự, dùng chung với hoạt động bay dân dụng.

4. Đài kiểm soát không lưu Cà Mau

4.1 Vị trí, chiều cao công trình

~~a) Cơ sở vật chất của đài kiểm soát không lưu Cà Mau:~~

* Đài Kiểm soát không lưu Cà Mau ~~được đưa vào sử dụng từ năm 2007.~~ Nằm trong khuôn viên của TWR 1800m2 (30m x 60m), nằm tại khu vực cổng vào Cảng HK Cà Mau.
* Chiều cao: 25m
* Tọa độ Đài kiểm soát không lưu:
* ~~Phòng điều hành bay: Diện tích 25m~~~~2~~~~, cao 25m và cột chống sét cao 3,2m.~~
* ~~Tòa nhà làm việc là một dãy nối dài:~~

~~+ Sảnh vào phía phải: Phòng họp 22m~~~~2~~~~; phòng Tổ bảo vệ 20m~~~~2~~~~; phòng đài phó 20m~~~~2~~~~; phòng nghỉ 20m~~~~2~~~~; phòng thiết bị nguồn 30m~~~~2~~~~.~~

~~+ Sảnh vào phía trái: Phòng khách 18m~~~~2~~~~; phòng đài trưởng 20m~~~~2~~~~; phòng Tổ không lưu 18m~~~~2~~~~; phòng ăn + nhà bếp + nhà vệ sinh 50m~~~~2~~~~.~~

~~+ Ngoài ra còn có một dãy nhà đặt máy phát điện phía sau 80m~~~~2~~~~(4x20m).~~

4.2 Đài kiểm soát không lưu cung cấp các dịch vụ không lưu sau:

* Dịch vụ điều hành bay;
* Dịch vụ báo động;
* Dịch vụ thông báo bay;
* Dịch vụ thủ tục bay;
* Dịch vụ thông báo tin tức hàng không;
* Dịch vụ đánh tín hiệu tàu bay;
* Dịch vụ khí tượng.

4.3 Phạm vi trách nhiệm:

* Phần vùng trời trên không: Vùng trời khu vực sân bay được giới hạn bởi đường tròn bán kính 30km, tâm là đài NDB QL, giới hạn từ mặt đất/ nước đến và bao gồm độ cao 1500m (tính so với mực nước biển trung bình).
* Phần trên khu hoạt động tại sân bay: Đường CHC, đường lăn và sân đỗ.

4.4 Thời gian hoạt động: 12/24h

4.5 Giấy phép khai thác:

Giấy phép Khai thác cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay theo Quyết định số 2109/GP-CHK ngày 28/06/2010 của Cục Hàng không Việt Nam.

5. Thông tin về các thiết bị phù trợ dẫn đường, bao gồm:

5.1 Thiết bị dẫn đường đài NDB:

1. Loại, ký hiệu:

- Mã hiệu: QL

- Loại máy: NAUTEL ND500II

- Công suất phát: 125W

- Tầm phủ: 185km ((kiểm tra trong giấy phép)

- Năm sản xuất: 1994

- Năm lắp đặt:

- Nước sản xuất: Canada

b. Vị trí:

- Tọa độ (WGS-84) 09010’34,4475’’N – 105010’36,2263’’E

- Tương đối: Đài cách thềm đường CHC 09 là 100m. Lệch về phía Nam so với tim đường CHC là 140m.

c. Tần số: 305KHz

d. Chế độ làm việc: Theo chuyến bay hoặc theo yêu cầu

e. Các loại giấy phép:

- Giấy phép khai thác đài NDB số……/GP-CHK ngày …..do Cục Hàng không Việt Nam cấp, có giá trị đến ngày…...

- Giấy phép sử dụng tần số đài NDB số …./GP-GH5 ngày …… do Cục Tần số vô tuyến điện cấp, có giá trị đến ngày …...

5.2 Thiết bị trợ giúp bằng mắt trong phương thức tiếp cận:

Sân bay Cà Mau chưa được trang bị.

5.3 Các hệ thống đèn đường cất hạ cánh, đèn đường lăn, đèn sân đỗ tàu bay.

- Đèn đường CHC: Không có

- Đèn đường lăn: Không có

- Đèn chiếu sáng sân đỗ tàu bay: Có 02 đèn lắp trên nóc nhà ga, chiếu sáng sân đỗ khi có nhu cầu khai thác.

5.4 Các hệ thống hỗ trợ và chỉ dẫn khác:

- Có 02 biển chỉ dẫn trên lề đường CHC và 01 trên lề đường lăn.

- Có 01 ống gió trên lề sân đỗ tàu bay.

- Các vạch sơn kẻ tín hiệu hướng dẫn tàu bay lăn vào/ lăn ra trên đường lăn, sân đỗ tàu bay.

5.5 Hệ thống cấp điện dự phòng:

- Nguồn điện dự phòng là máy phát điện 290kVA kết hợp với nguồn điện lưới 320kVA qua bộ ATS để cung cấp điện cho toàn bộ Cảng hàng không Cà Mau. Ngoài ra có 01 máy phát điện dự phòng 15kVA và 04 ắc quy 12V-100Ah cho đài dẫn đường NDB.

- Thời gian chuyển đổi từ điện lưới quốc gia sang nguồn điện dự phòng không quá 30 giây.

6. Vị trí của các điểm kiểm tra đài VOR tại sân và tần số vô tuyến

Cảng HK Cà Mau không sử dụng điểm kiểm tra đài VOR.

7. Vị trí của các hệ thống chỉ dẫn chuyển động tàu bay trên mặt đất (liệt kê nhóm biển báo theo TCCS 14)

7.1 Sơn kẻ tín hiệu:

- Những khu vực được sơn, kẻ tín hiệu gồm:

* Tim đường CHC
* Lề đường CHC
* Thềm đường CHC
* Khu vực chạm bánh và điểm ngắm
* Đoạn dừng (stopway)
* Tim đường lăn
* Lề và cạnh đường lăn
* Vệt dẫn lăn trên sân đỗ
* Vạch giới hạn an toàn vị trí đỗ

- Về màu sắc của các đường sơn kẻ được thể hiện như sau:

* Màu đỏ: cảnh báo về giới hạn an toàn đối với tàu bay, giới hạn vị trí đỗ, khu vực cấm .
* Màu trắng: kẻ trên đường CHC, đường công vụ, các đường lưu thông kể cả trên các khu vực đổ xe.
* Màu vàng: kẻ tim và biên đường lăn, đường dẫn vào vị trí đỗ, vị trí tránh mũi tàu bay.
* Màu đen: sơn viền, sơn kẻ tín hiệu đường lăn, đường CHC.

- Kích thước và quy cách: tuân thủ theo thông tư 34 BGTVT…..ngày….

7.2 Hệ thống biển báo khu bay

Vị trí

Màu sắc

Kích thước và quy cách

Có 02 biển chỉ dẫn trên lề đường CHC 09/27 và 01 trên lề đường lăn.

7.3 Hệ thống dẫn đỗ tự động:

Sân bay Cà Mau không có hệ thống dẫn đỗ tự động – VDGS.

8. Vị trí và cao độ các điểm kiểm tra độ cao trước chuyến bay

Cảng HK Cà Mau không có vị trí kiểm tra độ cao trước chuyến bay.

9. Hệ thống đường giao thông trong khu bay

- Khu vực đường CHC, đường lăn và sân đỗ không có đường công vụ dành riêng cho các phương tiện mặt đất di chuyển. Khi di chuyển trên khu bay trong giờ có hoạt động bay, người điều khiển phương tiện mặt đất phải được trang bị bộ đàm liên lạc và phải tuân theo huấn lệnh của Đài Kiểm soát không lưu và phải tự quan sát để giữ phân cách với tàu bay đang đậu trên sân đỗ và các phương tiện khác đang hoạt động trên khu bay.

- Có đường công vụ bằng đất đấp dọc theo hàng rào xung quanh Cảng để thường xuyên tuần tra canh gác ~~bằng đường bộ~~, có chiều rộng 2,5m và tổng chiều dài 3.227m.

~~- Giới hạn tải trọng của phương tiện được phép hoạt động trong sân bay không được vượt quá PCN=16/F/C/Y/T.~~

10. Hạ tầng bảo vệ môi trường

* Hệ thống thu gom, lưu giữ chất thải rắn:

Vị trí:

Quy mô: 120lít

* Hệ thống thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại:

Vị trí:

Quy mô:

11. Hạ tầng tra nạp nhiên liệu ngầm cho tàu bay

Sân bay Cà Mau hiện không có dịch vụ cung cấp nhiên liệu cho tàu bay.

12. Hệ thống cấp điện trong khu bay

12.1 Hệ thống cấp điện nguồn thường xuyên.

Nguồn cung cấp điện thường xuyên của sân bay Cà Mau là mạng điện lưới do điện lực Cà Mau cung cấp, quản lý, kết nối qua trạm biến áp 320kVA – 03 pha cấp điện cho các phụ tải (công suất mỗi phụ tải) trong Cảng hàng không Cà Mau.

12.2 Hệ thống cấp điện dự phòng.

* Hệ thống điện dự phòng cho sân bay gồm: 01 máy phát điện công suất 290kVA - 3 pha. Riêng đài dẫn đường NDB còn có dự phòng 01 máy phát điện 15kVA và 04 ắc quy 12V-100Ah.

12.3 Chế độ chuyển đổi

Hệ thống tự động Chuyển đổi khi điện lưới mất, thời gian chuyển đổi nguồn dự phòng không quá 30 giây.

13. Hệ thống cấp, thoát nước trong khu bay

13.1 Hệ thống cấp nước sạch sử dụng tại khu bay, quy định kiểm tra chất lượng nước.

Sân bay Cà Mau không sử dụng hệ thống cấp nước của thành phố, sử dụng cấp nước qua hệ thống giếng khoan ~~sử dụng~~ tại khu bay.

13.2 Hệ thống thoát nước (đưa sơ đồ quy trình thoát nước)

- Hệ thống thoát nước khu bay;(thêm thông tin vị trí, kích thước mương thoát nước)

Thoát nước mặt trên khu bay chủ yếu chảy tràn ra các ao hồ xung quanh đường CHC và chảy ra kênh xáng Bạc Liêu qua hệ thống cống.

- Các điểm kết nối giữa hệ thống thoát nước khu bay;

+ Nước mưa sau khi thu về các hố ga và nước thải sau khi xử lý chảy về mương bê tông chạy dọc theo nhà ga và sân đỗ ô tô rồi thoát qua hệ thống cống, ao hồ xung quanh đường CHC.

+ Nước mặt từ các ao hồ xung quanh đường CHC chảy ra kênh xáng Bạc Liêu qua hệ thống cống thoát nước dọc theo hàng rào an ninh.

~~- Công suất thiết kế của hệ thống thoát nước đáp ứng với lượng mưa cao nhất.~~

~~- Hệ thống thoát nước sân bay Cà Mau đảm bảo thoát nước tốt thường xuyên cho sân bay, không có trường hợp nước ngập khu bay.~~

14. Hạ tầng bảo đảm an ninh hàng không

14.1 Hàng rào vành đai, hàng rào an ninh sân bay

a. Hệ thống hàng rào khu bay sân bay

* Hệ thống hàng rào an ninh chưa được xây dựng khép kín, ~~do không có quỹ đất nên ở~~ hàng rào hai đầu đường cất hạ cánh 09 và 27 có tổng chiều dài là 793m chưa xây dựng, phía nam và phía bắc đường cất hạ cánh đã xây dựng tổng chiều dài 3,227m.
* Hàng rào vành đai loại 1: Có tổng chiều dài là 2.085m, cao 2,45m, móng, đà kiềng bê tông cốt thép, phía dưới xây tường gạch ống 200, phía trên là hàng rào khung sắt mạ kẻm có gia cố lớp dây kẽm gai. Đây là hàng rào an ninh ngăn cách khu vực dân cư lân cận sân bay thuộc khóm 5, phường 6 và khu vực trạm ra đa 23.
* Hàng rào vành đai loại 2: (hàng rào bùng nhùng) có tổng chiều dài 1142m, cao 1,2m, bên dưới lót tấm đan, bên trên ghép 03 cuộn kẻm gai xếp chồng lên nhau ( hai cuộn bên dưới, một cuộn bên trên). Đây là hàng rào an ninh ngăn cách khu vực dân cư lân cận sân bay thuộc khóm 5, khóm 7 phường 6 và khu vực trạm ra đa 23.

b. Hàng rào khu vực sân đỗ ô tô

* Cảng HK Cà Mau hiện có hệ thống hàng rào bảo vệ không khép kín dọc theo Quốc lộ 1A có tổng chiều dài: 100 m cao 2,45m, trụ bê tông cốt thép, khung sắt. Đây là hàng rào ngăn cách khu vực sân đỗ ô tô trước nhà ga và quốc lộ IA
* Hàng rào phân cách khu vực công cộng và khu vực hạn chế dọc hai bên cổng số 1 và cổng số 2 có tổng chiều dài 83m cao 2,45m, trụ bê tông cốt thép, khung sắt.

14.2. Vọng gác, đường tuần tra, cổng, thanh chắn, cửa tại cảng hàng không, sân bay

a. Vọng gác:

Hiện nay, Cảng HK Cà Mau chưa có chốt, bốt gác khu bay ~~do thiếu quỹ đất để xây dựng.~~ Để đảm bảo an ninh, an toàn trong phục vụ bay Cảng bố trí tuần tra, canh gác trên đường cất hạ cánh như sau:

- Bố trí lực lượng: kiểm tra, vệ sinh khu bay trước khi tàu bay dự kiến cất cánh tại Cảng HKQT Tân Sơn Nhất 30 phút.

+ 01 nhân viên canh gác tại khu vực phía Đông đường CHC;

+ 01 nhân viên canh gác tại khu vực phía Tây đường CHC;

+ 01 nhân viên canh gác tại khu vực phía Đông – Đông Bắc đường CHC ~~(gần khu vực đường lăn, do nhân viên giám sát sân đỗ tàu bay kiêm nhiệm)~~.

\* Khi không có hoạt động bay:

**-** Bố trí lực lượng: 01 nhân viên an ninh tuần tra khu bay

Thực hiện theo chương trình an ninh …. Cà Mau….

~~- Thời gian:~~

~~+ Từ 8 giờ đến 17 giờ (Tần suất: 4 lần/ngày)~~

~~+ Từ 17 giờ đến 5 giờ 30: Do nhân viên an ninh trực khu vực công cộng kiêm nhiệm tuần tra khu bay (Tần suất: 3 lần/đêm)~~

b. Hệ thống đường tuần tra:

Hiện tại khu bay Cảng HK Cà Mau chưa có hệ thống đường công vụ, đường tuần tra. Việc tuần tra khu bay sử dụng đường hành lang hàng rào an ninh nằm song song với 2 bên đường CHC.

- Chiều dài đường: Khoảng 3,227m; Chiều rộng: 2,5m

- Kết cấu: đường đất đắp tự nhiên lu lèn K90.

c. Hệ thống cổng, cửa ra/vào, thanh chắn khu vực hạn chế cảng hàng không, sân bay:

Nhà Ga hành khách có tổng số 14 cửa sử dụng việc đi lại của hành khách, 02 cửa cuốn sử dụng nội bộ và 02 cổng; được thống kê theo bảng dưới đây:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên cửa** | **Vị trí** | **Chú thích** |
| ~~1~~ | ~~Cửa số 1~~ | ~~Sảnh công cộng ga đi~~ | ~~Lối vào ga đi~~ |
| ~~2~~ | ~~Cửa số 2~~ | ~~Sảnh công cộng ga đi~~ | ~~Lối vào ga đi~~ |
| ~~3~~ | ~~Cửa số 3~~ | ~~Sảnh công cộng ga đi~~ | ~~Lối vào ga đi~~ |
| ~~4~~ | ~~Cửa số 4~~ | ~~Sảnh công cộng ga đến~~ | ~~Lối đi ra sân đỗ ô tô~~ |
| ~~5~~ | ~~Cửa số 5~~ | ~~Sảnh công cộng ga đến~~ | ~~Lối đi ra sân đỗ ô tô~~ |
| ~~6~~ | ~~Cửa số 6~~ | ~~Sảnh công cộng ga đến~~ | ~~Lối đi ra sân đỗ ô tô~~ |
| ~~7~~ | ~~Cửa số 7~~ | ~~Khu vực hạn chế ga đến~~ | ~~Lối đi ra sảnh công cộng ga đến~~ |
| ~~8~~ | ~~Cửa số 8~~ | ~~Khu vực hạn chế ga đến~~ | ~~Lối đi ra sảnh công cộng ga đến~~ |
| Cửa nhà ga hành khách ra sân đỗ tàu bay | | | |
| 9 | Cửa số 9 | Khu vực cách ly | Lối đi ra sân đỗ tàu bay |
| 10 | Cửa số 10 | Khu vực cách ly | Lối đi ra sân đỗ tàu bay |
| 11 | Cửa số 11 | Khu vực cách ly | Lối đi ra sân đỗ tàu bay |
| 12 | Cửa số 12 | Phòng VIP | Lối đi ra sân đỗ tàu bay |
| 13 | Cửa số 13 | Khu vực hạn chế ga đến | Lối từ sân đỗ tàu bay vào |
| 14 | Cửa số 14 | Khu vực hạn chế ga đến | Lối từ sân đỗ tàu bay vào |
| 15 | Cửa cuốn 1 | Khu vực vận chuyển hành lý ký gửi | Lối đi ra sân đỗ tàu bay |
| 16 | Cửa cuốn 2 | Khu vực hạn chế ga đến | Lối từ sân đỗ tàu bay vào |
| Cửa vào khu vực khu bay | | | |
| 17 | Cổng số 1 | Phía Đông nhà ga | Ngăn cách giữa sân đỗ tàu bay và sân đỗ ô tô |
| 18 | Cổng số 2 | Phía Tây nhà ga | Ngăn cách giữa sân đỗ tàu bay và sân đỗ ô tô |

d. Sơ đồ hệ thống vọng gác, hệ thống cổng, cửa ra/vào, thanh chắn. (Tham khảo sơ đồ tại Phục lục….)

~~14.3. Các điểm kiểm tra an ninh trong nhà ga hành khách~~

~~- Điểm kiểm tra soi chiếu an ninh đối với hành khách, hành lý xách tay: Bố trí 01 máy soi, 01 cổng từ.~~

~~- Điểm kiểm tra soi chiếu hành lý ký gửi, hàng hoá: Bố trí 01 máy soi.~~

~~14.4. Hệ thống camera~~

~~- Khu vực công cộng: 07 camera~~

~~- Khu vực cách ly: 04 camera~~

~~- Khu vực han chế: 08 camera~~

15. Hạ tầng phục vụ công tác khẩn nguy sân bay, phòng chống cháy nổ tại cảng hàng không Cà Mau

15.1 Trạm cứu hỏa

- Số lượng: 01 trạm cứu hỏa.

- Tên trạm cứu hỏa: Nhà xe sân bay.

- Vị trí trạm cứu hỏa: Tại nhà xe tiếp giáp và ở phía Tây sân đỗ tàu bay.

- Quy mô trạm cứu hỏa:

+ 01 xe chữa cháy 3,6m3 nước và 01 xe chữa cháy 9,5m3 nước.

- Sơ đồ vị trí trạm cứu hỏa: Tham chiếu sơ đồ mặt bằng hiện trạng của Cảng hàng không Cà Mau.

15.2 Phương tiện, trang thiết bị, dụng cụ phục vụ công tác khẩn nguy

+ Phương tiện, trang thiết bị tham gia phục vụ công tác khẩn nguy

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Phương tiện, trang thiết bị** | **ĐVT** | **Số lượng** |
|
| 1 | Xe khách 29 chỗ | Xe | 1 |
| 2 | Xe tải nhẹ ISUZU | Xe | 1 |
| 3 | Xe cứu thương TOYOTA | Xe | 1 |
| 4 | Xe fortuner 07 chỗ | Xe | 1 |
| 5 | Xe cấp điện cho tàu bay GL | Xe | 1 |
| 6 | Xe cấp điện tàu bay GPU | Xe | 1 |

+ Xe cứu hỏa: 01 xe

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Tên phương tiện** | **Chủng loại và ký hiệu** | **Số lượng** | **Vị trí tập kết** |
| 1 | Xe cứu hỏa | E-ONE | 01 xe | Sân đỗ tàu bay Cảng hàng không Cà Mau |
| Áo quần chống cháy | 05 bộ |
| Dụng cụ máy cưa cắt, kềm thủy lực mở cửa, dụng cụ cứu thương, bình chứa oxy | 01 bộ |
| Nước | 3.6 m3 |
| Foam | 270 lít |
| Bột khô AB | 227 kg |

+ Trang thiết bị, dụng cụ khẩn nguy

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | DANH MỤC | ĐVT | SỐ LƯỢNG | GHI CHÚ |
| **I. TRANG BỊ NGOÀI THÙNG KHẨN NGUY** | | | | |
| 01 | Xuồng cao tốc ST450 | Chiếc | 01 |  |
| 02 | Phao cứu sinh | Cái | 150 |  |
| 03 | Áo phao cứu hộ | Cái | 150 |  |
| 04 | Bao đựng cát | bao | 184 |  |
| 05 | Cây chống | cây | 40 |  |
| 06 | Dây kẽm (loại 2mm) | kg | 20 |  |
| 07 | Dây cáp (loại 6 ly) | m | 300 |  |
| 08 | Sắt tròn (Ø20) | cây | 40 |  |
| 09 | Tăng đơ (loại lớn) | cái | 40 |  |
| 10 | Tấm bạt phủ 1.5m x 45.5m | tấm | 1 |  |
| 11 | Xẻng | cái | 05 |  |
| 12 | Dá đào đất | cái | 05 |  |
| 13 | Cuốc | cái | 05 |  |
| 14 | Nạng nhôm | Cái | 04 |  |
| 15 | Nhà bạt | Cái | 01 |  |
| 16 | Cáng cứu thương | Cái | 03 |  |
| 17 | Cáng cứu thương INOX(Vàng) | Cái | 02 |  |
| **II. DANH MỤC TRONG THÙNG KHẨN NGUY** | | | | |
| 01 | Kiềm cắt sắt | Cái | 01 |  |
| 02 | Búa chặt cây | Cái | 04 |  |
| 03 | Búa đóng đinh | Cái | 01 |  |
| 04 | Dao chặt cây | Cái | 02 |  |
| 05 | Cây cưa sắt | Cái | 02 |  |
| 06 | Cưa gỗ | Cái | 01 |  |
| 07 | Đục sắt | Cái | 02 |  |
| 08 | Bộ cle | Bộ | 01 |  |
| 09 | Ổ khóa | Cái | 01 |  |
| 10 | Xẻng | Cái | 02 |  |
| 11 | Bao bố | Cái | 02 |  |
| 12 | Ủng cao su | Cái | 02 |  |
| 13 | Bao tay cao su | Cái | 02 |  |
| 14 | Dây thừng | Cuộn | 01 |  |
| 15 | Bao vải tử thi | Cái | 20 |  |
| 16 | Bọc nhựa tử thi | Cái | 05 |  |
| 17 | Nẹp cứu thương | Cái | 03 |  |
| 18 | Mũ nhựa | Cái | 08 |  |
| 19 | Võng | Cái | 04 |  |
| 20 | Cao su xanh | Mét | 20 |  |
| 21 | Xô PCCC | Cái | 05 |  |
| 22 | Búa tạ | Cái | 02 |  |
| 23 | Dây kẽm | Kg | 03 |  |
| 24 | Kiềm răng A | Cái | 02 |  |
| 25 | Kiềm cắt A | Cái | 02 |  |
| 26 | Cây khiêng võng | Cây | 04 |  |
| 27 | Cây khiêng thùng khẩn nguy | Cây | 01 |  |
| 28 | Dây dù căng lều khẩn nguy | Mét | 50 |  |

- Nguồn nước chữa cháy, vị trí, dung tích nước và những điểm cần lưu ý:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nguồn nước** | **Trữ lượng *(m3)* hoặc lưu lượng *(l/s)*** | **Vị trí, khoảng cách nguồn nước *(m)*** | **Những điểm cần lưu ý** |
| 1 | Bể chứa nước chữa cháy | 60m3 | Phía tây nhà ga | Bể xây xi măng.  Nguồn nước này cấp cho các tủ chữa cháy và cấp cho xe chữa cháy. |
| 2 | Hồ chứa nước chữa cháy | 400m3 | Phía Đông nhà ga | Bể xây xi măng.  Nguồn nước này cấp cho các tủ chữa cháy và cấp cho xe chữa cháy. |
| 3 | Trụ cấp nước PCCC | 50m3/h | Phía Đông nhà ga | Nguồn nước này do công ty nước sạch TP cấp |
| 4 | Các ao hồ ven CHC và đường vành đai | Khối lượng lớn, không xác định | Xung quanh đường CHC là ao, hồ và phía trước dọc theo đường quốc lộ 1A, cách nhà ga khoảng 200m là sông | * Sử dụng máy bơm lưu động để chữa cháy và cấp nước cho xe cứu hỏa. * Có thể lấy nước cả mùa mưa và mùa khô: Dọc theo 2 bên lề bảo hiểm đường CHC bố trí 05 vị trí lấy nước được đánh dấu nhằm thuận tiện, đáp ứng nhanh cho công tác PCCC. |

- Lượng bọt (Foam) dự trữ: 300 lít

15.3 Hệ thống đường phục vụ công tác khẩn nguy

Sân bay Cà Mau không có các tuyến đường di chuyển riêng để phục vụ công tác khẩn nguy. Khi tàu bay lâm nạn ở các khu vực, Ban Chỉ huy hiện trường chỉ định đường di chuyển và lực lượng an ninh hàng không hướng dẫn.

15.4 Hầm xử lý bom, mìn; vị trí đỗ biệt lập

Sân bay Cà Mau có 01 hầm xử lý bom mìn với kích thước 2,4m (rộng) x 2,4m (dài) x 3,644m (cao), được xây dựng kiên cố bằng bê tông cốt thép để xử lý bom, mìn trong trường hợp có bom mìn. Hầm xử lý bom mìn đặt ở phía Bắc đường CHC và cách nhà ga khoảng 300m, cách sân đỗ tàu bay 200m phía Bắc.

Vị trí đỗ cách ly cho tàu bay (sân đỗ biệt lập) được sử dụng trong tình huống khẩn nguy và tàu bay bị can thiệp bất hợp pháp: Được xác định tại sân quay đầu 27 đường CHC, cách đài Kiểm soát không lưu Cà Mau 1.000m về phía Đông.

15.5 Trung tâm khẩn nguy sân bay

- Vị trí: Tầng 1, khu cách ly nhà ga.

- Diện tích:

- Hệ thống trang thiết bị: Chi tiết thể hiện tại phụ lục 1A….

~~+ Được trạng bị đầy đủ phương tiện, trang thiết bị phục vụ Trung tâm hiệp đồng khẩn nguy theo công văn số 290/TCTCHKVN-KH ngày 30/07/2014.~~

+ ~~Các chi tiết liên quan Trung tâm hiệp đồng khẩn nguy sân bay xem tại Chương II - Tổ chức công tác khẩn nguy - Kế hoạch Khẩn nguy Cảng hàng không Cà Mau ban hành kèm theo Quyết định số 7236/QĐ-TCTCHKVN ngày 24/12/2013 của Tổng giám đốc Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam và được Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt tại Quyết định số 175/QĐ-CHK ngày 20/01/2014 của Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam.~~

- Cơ chế làm việc của trung tâm khẩn nguy, số điện thoại trực khẩn nguy sân bay.

+ Trung tâm khẩn nguy làm việc theo công tác kiêm nhiệm.

+ Số điện thoại trực khẩn nguy sân bay: (0290)3833.855.

16. Hệ thống chiếu sáng

16.1 Hệ thống đèn chiếu sáng sân đỗ.

Gồm 03 bóng đèn công suất 200W gắn trên nóc nhà ga và 01 trụ đèn chiều cao 9m đặt trước cổng vào *(số 01)* sân đỗ tàu bay công suất 200W. ~~Do sân bay Cà Mau không phục vụ bay ban đêm nên chưa có hệ thống đèn đêm. Tuy nhiên~~ khi có tàu bay đậu lại qua đêm thì được triển khai hệ thống đèn LED bảo vệ lưu động công suất 400W.

16.2 Hệ thống chiếu sáng hàng rào và các cổng ra/vào.

- Hàng rào an ninh chưa có hệ thống chiếu sáng.

- Cổng ra vào sử dụng chung với hệ thống chiếu sáng sân đỗ ô tô.

16.3 Nguồn điện dự phòng cho hệ thống chiếu sáng.

* Hệ thống máy phát điện Hữu Toàn 290KVA đảm bảo phục vụ cho hệ thống chiếu sáng khi mất điện.

17. Các dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Đơn vị | Loại hình, năng lực dịch vụ | Địa chỉ | Số điện thoại |
| 1 | Cảng HK Cà Mau | Dịch vụ đảm bảo an ninh hàng không, an toàn hàng không  Dịch vụ thương mại mặt đất.  Dịch vụ tại nhà ga hành khách.  Dịch vụ thương nghiệp, dịch vụ phục vụ sân đỗ tại cảng hàng không, sân bay. | Số 93-Lý Thường Kiệt – P6 – TP.Cà Mau; | (02903) 833855/ 836410 |
| 2 | Chi nhánh Công ty bay dịch vụ hàng không VASCO | Dịch vụ vận chuyển hàng không (hành khách, hành lý, hàng hóa, bưu gửi) | Số 93-Lý Thường Kiệt – P6 – TP.Cà Mau; | 0290.3595678 |
| 3 | Công ty Quản lý bay miền Nam tại Cà Mau | Dịch vụ Điều hành bay và dịch vụ đảm bảo hoạt động bay | Số 93-Lý Thường Kiệt – P6 – TP.Cà Mau; | 0290.3837681 |

18. Các thông tin đặc biệt cần lưu ý

* ~~Cảng hàng không Cà Mau không có đèn đường CHC, đường lăn, sân đỗ tàu bay và đèn chiếu sáng hàng rào an ninh.~~
* ~~Chưa có khu vực tập kết phương tiện, trang thiết bị trên khu bay. Hiện tại Cảng HK Cà Mau sử dụng nhà xe làm khu tập kết phương tiện trang thiết bị mặt đất, cách sân đỗ tàu bay khoảng 30m về phía Tây sân đỗ.~~
* Thiết bị của Trạm Rada 23 gây nhiễu cho thiết bị đối không.
* ~~Chưa có xe nâng phục vụ cho khách do hiện tại Cảng HK Cà Mau đang khai thác loại tàu bay ATR72 nên không trang bị được xe nâng phục vụ khách. Cảng đã phối hợp với Hãng hàng không xây dựng Quy trình phục vụ khách phục vụ khách thay thế xe nâng.~~
* ~~Sân bay Cà Mau hiện đang sử dụng xe chở hành khách Hyundai-Thaco- 29 chỗ (chỉ sử dụng khi trời có mưa). Theo tiêu chuẩn cơ sở TCCS 18:2015/CHK thì xe này không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật để vận chuyển hành khách trong sân đỗ tàu bay, cụ thể như sau: Đây là xe ghế ngồi 4người/m~~~~2~~~~, không có thanh ngang, chiều rộng mở cửa xe chỉ 0,8m (tiêu chuẩn tối thiểu là 1,1m), chiều cao của bậc cửa xe so với mặt đất là 0,39m (Tiêu chuẩn không quá 0,3m), chiều cao trần khoan chở khách là 1,9m (Tiêu chuẩn tối thiểu 2,3m), chiều cao cửa chính là 1,76m (tiêu chuẩn tối thiểu 2m).~~
* Sân đỗ tàu bay có 02 vị trí đỗ. Trường hợp tàu bay đỗ ở vị trí đỗ số 01, đầu quay về hướng Đông thì:

+ Nếu boarding khách đi phía trước mũi tàu bay thì tàu bay phải khởi động động cơ số 02 trước để kết thúc dịch vụ xe cấp điện và di chuyển xe điện về nơi đỗ an toàn, sau đó thiết lập hàng rào để hướng dẫn khách ra tàu bay đảm bảo an toàn (vì nếu boarding trong khi xe đang cấp điện cho tàu bay để kiểm tra kỹ thuật, khởi động động cơ để điều hòa không khí, làm mát buồng hành khách sẽ cảng trở lối đi của hành khách cũng như xử lý khi có tình huống khẩn nguy xảy ra).

+ Nếu boarding khách đi phía sau đuôi tàu bay thì động cơ số 02 không được khởi động để điều hòa không khí, làm mát buồng hành khách…cho đến khi hành khách đã boarding xong để đảm bảo an toàn.

19. Danh mục không đáp ứng

| **TT** | **Nội dung không**  **đáp ứng** | **Tham chiếu các tiêu chuẩn/ quy định hiện hành** | **Đánh giá**  **rủi ro** | **Biện pháp phòng ngừa nguy cơ gây mất an toàn khai thác** | **Thời hạn khắc phục** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Chưa có thiết bị đo độ ma sát của đường CHC. | 9.4.5  Annex 14 | Chưa kiểm soát được định lượng độ nhám bề mặt đường CHC, đường lăn | + Kết hợp cùng đợt đo độ nhám đường CHC của Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất  + Thuê đơn vị có thiết bị hợp chuẩn và có được phép đo tham số này. | Theo kế hoạch chung của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam-CTCP |  |
| 2 | Annex 14 | Bảo hiểm đầu đường CHC (Runway end safety Areas) | Khi tàu bay cất/hạ cánh gặp sự cố vượt ra khỏi vùng Clearway thì các phương tiện, trang thiết bị khẩn nguy không thể tiếp cận để ứng cứu được | Chưa có | ~~Không thực hiện được do không có quỹ đất và khó khăn trong công tác giải tỏa~~  Chưa đo đạc và công bố | ~~Đã báo cáo Ban khai thác cảng~~ |
| 3 | ~~Chưa có khu vực để kẻ, vẽ vị trí tập kết phương tiện, trang thiết bị trên sân đỗ tàu bay~~ | ~~Annex 14~~ |  | ~~Tập kết phương tiện, trang thiết bị tại nhà xe cách sân đỗ tàu bay khoảng 30m~~ |  | ~~Do diện tích sân đỗ tàu bay nhỏ, không đủ diện tích để thực hiện~~ |
| 4 | ~~Chưa có chốt gác trên đường cất hạ cánh do thiếu quỹ đất, vướng tĩnh không 02 đầu đường CHC~~ | ~~Annex 14~~ | ~~Nguy cơ không phát hiện sớm các trường hợp người, động vật xâm nhập trái phép khu bay.~~ | ~~Tăng cường công tác kiểm soát, giám sát của lực lượng ANHK~~ |  | ~~A.N~~ |
| 5 | ~~Không có vạch dừng chờ trên đường lăn~~ | ~~Annex 14~~ |  | ~~Tổ lái phải thường xuyên phối hợp với KSVKL tăng cường quan sát trước khi vào/ ra sân đỗ~~ |  | ~~Do đường lăn không đủ chiều dài quy định để kẻ vạch dừng~~ |
| 6 | Chưa có hệ thống chiếu sáng hàng rào an ninh | Annex 14 | Nguy cơ xâm nhập trái phép khu bay; khó phát hiện xâm nhập ban đêm | Tăng cường công tác kiểm soát, giám sát của lực lượng ANHK |  |  |
| 7 | Chưa có đường công vụ trong khu bay | Annex 14 | Khó khăn trong công tác kiểm tra khu bay | * Tăng cường kiểm tra quan sát, phối hợp với các cơ quan đơn vị và chính quyền địa phương… * Sử dụng đường đất đắp cạnh hàng rào an ninh | Theo kế hoạch chung của TCT |  |
| 8 | ~~Chưa có điểm kiểm tra cao độ trước khi bay~~ | ~~Annex 14~~ |  |  |  |  |
| ~~9~~ | ~~Chưa lắp đặt các biển báo sóng cực ngắn nguy hiểm~~ |  |  |  |  |  |
|  | Độ dốc của đường lăn | Annex 14 |  |  |  |  |

CHƯƠNG IV

QUY TRÌNH VẬN HÀNH KHAI THÁC, BẢO TRÌ, BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM AN TOÀN KHAI THÁC TRONG KHU BAY

1. Quy trình khai thác, cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay

1.1 Quy trình khai thác, cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay

Thực hiện theo Văn bản hiệp đồng bảo đảm dịch vụ hoạt động bay tại Cảng HK Cà Mau giữa Công ty Quản lý bay miền Nam và Cảng HK Cà Mau – Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam-CTCP có hiệu lực từ ngày 25 tháng 12 năm 2016.

Tên, chức vụ và số điện thoại (24/24 giờ) của người chịu trách nhiệm theo dõi, ghi nhận các thay đổi về tin tức hàng không tại Cảng HK Cà Mau:

- Ông Nguyễn Việt Thắng Đài trưởng Đài KSKL Côn Sơn

- Điện thoại: (84) 2543 831 910; (84) 2543 831 911

- Di động: 0909 227 989 ; Fax: (84) 2543 831 911

- E-mail: vietthangvvcs@gmail.com.

1.2. Địa chỉ và số điện thoại (24/24h) của cơ quan thuộc Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm tiếp nhận các tin tức hàng không:

- Ông Nguyễn Thế Hưng - Trưởng phòng Quản lý hoạt động bay.

- Điện thoại: (84-24) 38.274.191, (84-24) 38.271.513 ext. 4648.

- Điện thoại di động: 0936.700.729; Fax: (04) 38.274.194.

2. Quy trình bảo đảm an ninh

Thực hiện theo các quy định bảo đảm an ninh tại Chương trình an ninh cảng hàng không, sân bay đã được Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt tại Quyết định số 1418/QĐ-CHK ngày 28 tháng 06 năm 2017.

3. Kế hoạch khẩn nguy sân bay

~~Thực hiện theo các quy định đảm bảo an ninh tại Kế hoạch khẩn nguy sân bay đã được Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt tại Quyết định số 175/QĐ-CHK ngày 20 tháng 01 năm 2014.~~

- Thực hiện theo các quy định tại Phụ lục 1A.

- Đối phó với Hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng được thực hiện theo Kế hoạch khẩn nguy cảng hàng không được CHKVN phê duyệt theo Quyết định số…….

4. Kiểm tra bề mặt giới hạn chướng ngại vật trong sân bay

4.1. Các quy trình kiểm tra định kỳ, đột xuất bề mặt giới hạn chướng ngại vật, bao gồm:

4.1.1 Cơ quan chịu trách nhiệm

- Giám đốc: Phạm Thanh Lâm

ĐT: 0290.3.836.410 DĐ: 0903.700.465

- Phó giám đốc: Trần Thị Hồng Mai DĐ: 0915.160.162

- Đội an ninh hàng không ĐT: 0290.3.833.855

Đội phó: Phan Doãn Tuấn DĐ : 0947.358283

- Đội Kỹ Thuật ĐT: 0290.3.833.855

Đội trưởng: Tô Hữu Nghị DĐ: 0941.882.999

4.1.2 Quy định kiểm tra:

- Cảng hàng không Cà Mau tổ chức kiểm tra định kỳ và đột xuất.

- Khi tiến hành kiểm tra phải đảm bảo đủ thành phần theo quy định

- Sử dụng các phương tiện như: Xe ô tô, xe gắn máy, xe đạp... để kiểm tra, trên xe phải được trang bị bộ đàm liên lạc 2 chiều và phải bảo đảm nhanh chóng thoát ly khỏi khu vực kiểm tra trong trường hợp cần thiết.

4.1.3 Các nội dung kiểm tra, đối tượng kiểm tra:

Vi phạm về mặt tĩnh không, khu vực sân bay và lân cận

4.1.4 Thời gian kiểm tra và tần suất kiểm tra:

- Công tác kiểm tra được thực hiện thường xuyên và định kỳ 02 lần/ngày.

- Kiểm tra trước lúc tàu bay chuẩn bị cất hạ cánh; lúc bắt đầu và kết thúc ca trực hàng ngày của nhân viên an ninh.

- Việc kiểm tra khu hoạt động bay sẽ được tăng cường khi có chuyên cơ; sau trận mưa to; sự cố tàu bay; khi được thông báo có sự cố bất thường trên đường CHC, đường lăn, sân đỗ hoặc theo thông báo của tổ bay, kiểm soát viên không lưu.

4.1.5 Quy trình báo cáo và các biện pháp khắc phục:

- Đối với công tác kiểm tra theo định kỳ và kiểm tra đột xuất, sau khi kết thúc kiểm tra tình trạng thực tế phải được lập báo cáo hoặc biên bản có sự xác nhận của các thành phần tham gia.

~~+ Trường hợp có sự cố trên đường cất hạ cánh, đường lăn, khu vực sân đỗ hoặc các thiết bị đèn hiệu, biển báo... các thành phần kiểm tra xác nhận vào biên bản và Giám đốc Cảng hàng không Cà Mau, đại diện cảng vụ hàng không tại Cà Mau cho triển khai ngay phương án khắc phục để đảm bảo hoạt động bình thường của Cảng hàng không Cà Mau.~~

- Trường hợp sự cố ảnh hưởng đến an toàn bay không khắc phục được ngay thì Giám đốc Cảng hàng không Cà Mau lập biên bản sự cố báo cáo Tổng giám đốc Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam để có chỉ đạo khắc phục kịp thời.

- Các sự cố trong khu bay phải được thông báo cho Đài Kiểm soát không lưu và thông báo theo quy định hiện hành về khu vực hạn chế khai thác.

4.1.6 Nhật ký kiểm tra, cơ quan lưu giữ:

Nhật ký kiểm tra và biên bản kiểm tra được lập sau khi tiến hành các lần kiểm tra và được lưu giữ tại Đội An ninh hàng không Cảng hàng không Cà Mau.

4.2 Các quy trình và phương tiện liên lạc với cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay trong thời gian kiểm tra khu bay.

* + Phương tiện liên lạc:

+ Liên hệ bằng bộ đàm tần số : 146.300 MHz;

+ Đài Kiểm soát không lưu : (0290)3837.681

+ Tổ Kế hoạch - thủ tục bay : (0290)3567.376

* + Trước khi tiến hành kiểm tra ở các khu vực đường cất hạ cánh, đường lăn và sân đỗ tàu bay, bộ phận kiểm tra phải đảm bảo thông tin liên lạc hai chiều với Đài Kiểm soát không lưu, lực lượng an ninh trực gác tại khu bay và bảo đảm đi theo đúng luồng, tuyến quy định. Chỉ khi nào được phép của Đài Kiểm soát không lưu mới được tiến hành kiểm tra.
  + Bộ phận kiểm tra phải bảo đảm thông báo cho Đài kiểm soát không lưu các khu vực kiểm tra. Giữ thông tin liên lạc hai chiều trong suốt quá trình kiểm tra.
  + Thông báo cho Đài Kiểm soát không lưu khi thoát ly khỏi các khu vực kiểm tra. Các thông tin về hiện trạng đường cất hạ cánh, các khu vực di chuyển nếu có sự cố, thay đổi không bình thường phải được thông báo trực tiếp cho Đài Kiểm soát không lưu trước khi có thông báo chính thức cho các bộ phận có trách nhiệm khắc phục sửa chữa.

5. Quy trình kiểm tra kết cấu hạ tầng sân bay

5.1 Các quy trình kiểm tra

5.1.1. Cơ quan chịu trách nhiệm. Tên, chức vụ và số điện thoại của những người phụ trách kiểm tra.

* + Giám đốc: Phạm Thanh Lâm

ĐT: 0290.3.836.410 DĐ: 0903.700.465

* + Phó giám đốc: Trần Thị Hồng Mai DĐ: 0915.160.162
  + Đội an ninh hàng không ĐT: 0290.3.833.855

Đội phó: Phan Doãn Tuấn DĐ : 0947.358283

* + Đội Kỹ Thuật ĐT: 0290.3.833.855

Đội trưởng: Tô Hữu Nghị DĐ: 0941.882.999

5.1.2. Quy định kiểm tra:

* + Cảng hàng không Cà Mau tổ chức kiểm tra định kỳ và đột xuất.
  + Khi tiến hành kiểm tra phải đảm bảo đủ thành phần theo quy định
  + Sử dụng các phương tiện như: Xe ô tô... để kiểm tra, trên xe phải được trang bị bộ đàm liên lạc 2 chiều và phải bảo đảm nhanh chóng thoát ly khỏi khu vực kiểm tra trong trường hợp cần thiết.

5.1.3.Các nội dung kiểm tra, đối tượng kiểm tra :

* + Bề mặt đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay, dải bảo hiểm: Các vật thể trên bề mặt do tàu bay rơi ra, sự bong bật, nứt vỡ của bê tông khu vực đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay;
  + Nước trên bề mặt ảnh hưởng đến hoạt động của tàu bay: Độ trơn trượt, ngập nước, đọng nước;
  + ~~Chướng ngại vật tự nhiên, tạm thời;~~
  + Vật ngoại lai (FOD), Chim và động vật hoang dã;
  + Tình trạng của hệ thống trợ giúp bằng mắt(các vạch sơn tín hiệu);
  + Cỏ hai bên lề bảo hiểm đường cất hạ cánh đường lăn, khu vực di chuyển;
  + Sự ảnh hưởng của cỏ đến biển báo, biển hiệu;
  + ~~Bề mặt phản xạ của các thiết bị phù trợ dẫn đường;~~
  + Hệ thống thoát nước trong khu bay;
  + Nguồn điện chính, dự phòng;
  + Các khu vực bảo dưỡng, thi công;
  + Đảm bảo an ninh, an toàn trong khu bay.

5.1.4. Thời gian kiểm tra và tần suất kiểm tra:

* + Công tác kiểm tra được thực hiện thường xuyên và định kỳ 02 lần/ngày. Trước lúc tàu bay chuẩn bị cất hạ cánh; lúc bắt đầu và kết thúc ca trực hàng ngày của nhân viên an ninh.
  + Việc kiểm tra khu hoạt động bay sẽ được tăng cường khi có chuyên cơ; sau trận mưa to; sự cố tàu bay; khi được thông báo có sự cố bất thường trên đường CHC, đường lăn, sân đỗ hoặc theo thông báo của tổ bay, kiểm soát viên không lưu.

5.1.5. Quy trình báo cáo và các biện pháp khắc phục.

* + Đối với công tác kiểm tra theo định kỳ và kiểm tra đột xuất, sau khi kết thúc kiểm tra tình trạng thực tế phải được lập báo cáo hoặc biên bản có sự xác nhận của các thành phần tham gia.
  + Trường hợp có sự cố trên đường cất hạ cánh, đường lăn, khu vực sân đỗ hoặc các thiết bị đèn hiệu, biển báo... các thành phần kiểm tra xác nhận vào biên bản và Giám đốc Cảng hàng không Cà Mau, đại diện cảng vụ hàng không tại Cà Mau cho triển khai ngay phương án khắc phục để đảm bảo hoạt động bình thường của Cảng hàng không Cà Mau.
  + Trường hợp sự cố ảnh hưởng đến an toàn bay không khắc phục được ngay thì Giám đốc Cảng hàng không Cà Mau lập biên bản sự cố báo cáo Tổng giám đốc Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam-CTCP để có chỉ đạo khắc phục kịp thời.
  + Các sự cố trong khu bay phải được thông báo cho Đài Kiểm soát không lưu và thông báo theo quy định hiện hành về khu vực hạn chế khai thác.

5.1.6.Nhật ký kiểm tra, bộ phận lưu giữ:

Nhật ký kiểm tra và biên bản kiểm tra được lập sau khi tiến hành các lần kiểm tra và được lưu giữ tại Đội An ninh hàng không Cảng hàng không Cà Mau.

5.2. Các quy trình và phương tiện liên lạc với cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay trong thời gian kiểm tra

* + Phương tiện liên lạc:
    - Liên hệ bằng bộ đàm tần số : 146.300 MHz;
    - Đài Kiểm soát không lưu : (0290)3837.681
    - Tổ Kế hoạch - thủ tục bay : (0290)3567.376
  + Trước khi tiến hành kiểm tra ở các khu vực đường cất hạ cánh, đường lăn và sân đỗ tàu bay, bộ phận kiểm tra phải đảm bảo thông tin liên lạc hai chiều với Đài Kiểm soát không lưu, lực lượng an ninh trực gác tại khu bay và bảo đảm đi theo đúng luồng, tuyến quy định. Chỉ khi nào được phép của Đài Kiểm soát không lưu mới được tiến hành kiểm tra.
  + Bộ phận kiểm tra phải bảo đảm thông báo cho Đài kiểm soát không lưu các khu vực kiểm tra. Giữ thông tin liên lạc hai chiều trong suốt quá trình kiểm tra.
  + Thông báo cho Đài Kiểm soát không lưu khi thoát ly khỏi các khu vực kiểm tra. Các thông tin về hiện trạng đường cất hạ cánh, các khu vực di chuyển nếu có sự cố, thay đổi không bình thường phải được thông báo trực tiếp cho Đài Kiểm soát không lưu trước khi có thông báo chính thức cho các bộ phận có trách nhiệm khắc phục sửa chữa.

6. Quy trình bảo trì kết cấu hạ tầng sân bay

* + ~~Thông tư số 34/2014/TT-BGTVT ngày 11 tháng 8 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành QCVN “Sơn kẻ tín hiệu trên đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay”;~~
  + ~~Thực hiện theo các quy định tại Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 06:2009/CHK “Quy trình duy tu bảo dưỡng sân bay dân dụng Việt Nam” ban hành kèm theo Quyết định số 1326/QĐ-CHK ngày 20 tháng 4 năm 2009 của Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam;~~

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Tên tài liệu** | **Mã số** | **Ngày hiệu lực** |
| 1 | Quy trình bảo trì cơ sở hạ tầng – Cảng hàng không Cà Mau | QT18–VP | 01/04/2017 |
| 2 | Quy trình bảo trì công trình hàng không dân dụng – Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam | 4127/QĐ-TCTCHKVN | 30/10/2014 |

Tên, địa chỉ đơn vị, cá nhân phụ trách bảo trì, bảo dưỡng khu bay:

* + Giám đốc: Phạm Thanh Lâm ĐT: 0290.3.836.410 DĐ: 0903.700.465
  + Phó Giám đốc: Trần Thị Hồng Mai DĐ: 0915.160.162
  + Đội an ninh hàng không ĐT: 0290.3.833.855

Đội phó: Phan Doãn Tuấn DĐ: 0947.358283

* + Đội Kỹ Thuật ĐT: 0290.3.833.855

Đội trưởng: Tô Hữu Nghị DĐ: 0941.882.999

* + Văn phòng Cảng ĐT: 0290.3.833.855

P. Chánh VP: Nguyễn Hải Bình DĐ: 0988.420.924

7. An toàn thi công xây dựng

Thực hiện theo “Quy định an toàn Cảng hàng không Cà Mau” ban hành kèm theo Quyết định số 19/QĐ-TCTCHKVN-CMA ngày 16/01/2014.

Tất cả các công trình thi công, sửa chữa, bảo trì trong khu hoạt động bay đều phải lập kế hoạch trước và được Ban Tổng Giám đốc hoặc Ban Giám đốc Cảng HK Cà Mau phê duyệt. Kế hoạch này phải thông báo đến các cơ quan, đơn vị có liên quan để phối hợp thực hiện. Nội dung thông báo gồm:

- Nội dung, mục đích công việc.

- Thời gian bắt đầu/thời gian kết thúc.

- Địa điểm, phạm vi công trình.

- Bản vẽ mặt bằng vị trí thi công.

- Tổng số người và các loại phương tiện, trang thiết bị tham gia.

- Phương tiện liên lạc.

- Phương án tổ chức thi công, biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn, PCCC và vệ sinh môi trường trong quá trình thi công.

Người phụ trách thi công tại khu vực đường cất hạ cánh, đường lăn phải được trang bị bộ đàm để liên lạc với Đài chỉ huy. Phải tuân thủ huấn lệnh và chịu sự hướng dẫn của kiểm soát viên không lưu khi có tàu bay cất hạ cánh.

Đơn vị thi công có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý thuộc Cảng HK Cà Mau để:

- Xây dựng phương án, biện pháp thi công đảm bảo an ninh, an toàn, PCCC và vệ sinh môi trường trên công trường thi công và trình Cảng HK Cà Mau phê duyệt trước khi thi công.

- Lắp dựng các hàng rào, đóng cọc, giăng dây, đèn báo hiệu, biển cấm tạo ngăn cách giữa công trường thi công và khu hoạt động bay.

- Người, phương tiện ra/vào khu vực thi công phải được cấp thẻ/giấy phép theo quy định để kiểm soát nhằm đảm bảo an ninh an toàn trong khu vực thi công.

- Thống nhất với đơn vị quản lý của Cảng HK Cà Mau vị trí tập kết phương tiện, trang thiết bị, vật tư thi công không làm ảnh hưởng đến an toàn hoạt động bay.

- Người, phương tiện ra/vào thi công trong khu hoạt động bay phải lưu thông đúng luồng tuyến quy định và phải được người hoặc xe của các cơ quan, đơn vị chức năng hướng dẫn, giám sát.

- Xe chở vật liệu xây dựng, xà bần di chuyển trong khu hoạt động bay phải có bạt che phủ trong quá trình di chuyển. Nếu để rơi rớt thì đơn vị thi công phải tổ chức dọn dẹp ngay.

Cơ quan quản lý và đơn vị thi công phải lập biên bản bàn giao mặt bằng thi công. Trong quá trình thi công, đơn vị thi công phải bảo đảm không làm hư hại, ảnh hưởng đến các hệ thống ngầm (cáp điện, thông tin, nước...) và có trách nhiệm san lấp, lu lèn trả lại mặt bằng như trạng thái ban đầu.

Đối với đường cất hạ cánh, đường lăn, khi phát hiện có sự thay đổi, bất thường trên bề mặt như nứt, mẻ, thủng, lõm, đơn vị thi công phải thông báo cho Trực ban trưởng sân bay để báo cáo Ban Giám đốc Cảng HK Cà Mau xin ý kiến chỉ đạo kịp thời.

Đơn vị thi công phải có biện pháp quản lý chặt chẽ công cụ, dụng cụ, vật tư mang vào khu vực thi công. Đối với công cụ, dụng cụ thi công trong nhà ga, phải đăng ký và có sự đồng ý của Cảng HK Cà Mau trước khi mang vào nhà ga. Đơn vị được phân công giám sát có trách nhiệm giám sát việc tuân thủ của đơn vị thi công.

8. Quản lý sân đỗ tàu bay

Trách nhiệm quản lý, phối hợp giữa các cơ quan của Người khai thác Cảng hàng không Cà Mau và Cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu được thực hiện theo quy định trong Văn bản hiệp đồng đảm bảo dịch vụ bảo đảm hoạt động bay tại sân bay Cà Mau giữa sân bay Cà Mau và Công ty Quản lý bay miền Nam đã ký 11/2015. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan bao gồm:

8.1 Phân chia trách nhiệm quản lý sân đỗ.

- Trách nhiệm của Đài kiểm soát không lưu:

Thực hiện theo Văn bản hiệp đồng đảm bảo dịch vụ hoạt động bay giữa Công ty quản lý bay miền Nam và Cảng HK Cà Mau đã ký 11/2015.

- Trách nhiệm của Cảng hàng không Cà Mau

Thực hiện theo Văn bản hiệp đồng đảm bảo dịch vụ hoạt động bay giữa Công ty quản lý bay miền Nam và Cảng HK Cà Mau đã ký 11/2015.

8.2 Phân bổ các vị trí đỗ.

Sân bay Cà Mau lập kế hoạch phân bổ vị trí đỗ hợp lý cho tàu bay và thuận tiện cho các trang thiết bị mặt đất tiếp cận phục vụ.

(Xem phụ lục số … sơ đồ sân đỗ tàu bay).

8.3 Các quy định về kéo đẩy tàu bay và khởi động động cơ.

Tàu bay được khởi động động cơ trên bãi đỗ và tự vận hành lăn ra đường lăn, đường cất hạ cánh.

8.4 Dịch vụ đỗ tàu bay.

Sân bay Cà Mau cung cấp dịch vụ sân đỗ tàu bay cho các hãng hàng không và các chuyến bay không thường lệ đi và đến Sân bay Cà Mau.

~~- Giá dịch vụ: Thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính, Bộ Giao thông vận tải, Cục Hàng không Việt Nam và Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam.~~

8.5 Dịch vụ dẫn dắt tàu bay.

Hiện nay sân bay Cà Mau không cung cấp dịch vụ dẫn dắt tàu bay (Follow me).

8.6 Dịch vụ đánh tín hiệu/chèn bánh cho tàu bay.

- Dịch vụ đánh tín hiệu tàu bay do nhân viên thuộc Quản lý bay Cà Mau thực hiện.

- Dịch vụ chèn bánh cho tàu bay do thợ máy thuộc Công ty VAECO tại Cà Mau thực hiện.

~~- Không được thực hiện đánh tín hiệu hướng dẫn, chèn bánh cho tàu bay khi không được đào tạo và giao nhiệm vụ hoặc không được cấp phép của nhà chức trách Cảng hàng không, sân bay.~~

8.7 Quy trình phục vụ chuyên cơ.

Công tác phục vụ chuyên cơ được thực hiện theo:

- Thông tư 28/2010/TT-BGTVT ngày 13/09/2010 của Bộ Giao thông Vận tải V/v: Quy định chi tiết về công tác bảo đảm chuyến bay chuyên cơ,

- Thông tư số 53/2015/TT-BGTVT ngày 24/9/2015 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2010/TT-BGTVT quy định chi tiết về công tác bảo đảm chuyến bay chuyên cơ;

- “Quy định an toàn Cảng hàng không Cà Mau” ban hành kèm theo Quyết định số 69/QĐ-TCTCHKVN-CMA ngày 01/4/2014 của Giám đốc Cảng hàng không Cà Mau và được Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam phê duyệt tại Quyết định số 1090/QĐ-TCTCHKVN ngày 08/4/2014.

8.8 Quy trình kéo/đẩy tàu bay.

Hiện tại sân bay Cà Mau không thực hiện việc kéo/đẩy tàu bay.

8.9 Phương thức liên lạc trong khu vực sân đỗ.

Các phương tiện, nhân viên của các tổ chức, cá nhân khi làm việc trên sân đỗ phải được trang bị bộ đàm tần số 146.300 MHz để giữ liên lạc hai chiều với Đài kiểm soát không lưu và giữa các bộ phận với nhau.

~~- Nghiêm cấm sử dụng điện thoại di động hoặc các thiết bị thu phát sóng khác trên khu vực sân đỗ tàu bay.~~

9. Quản lý an toàn đường cất hạ cánh, đường lăn và sân đỗ

9.1 Quản lý an toàn đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ

Thực hiện theo Chương trình an toàn đường cất hạ cánh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt:

~~- Thực hiện theo Quyết định số 349/QĐ-BGTVT ngày 05/02/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt Chương trình An toàn đường cất hạ cánh.~~

- Quyết định số 1536/QĐ-CHK ngày 12/4/2013 của Cục trưởng Cục hàng không Việt Nam về việc Quyết định thành lập Tổ công tác an toàn đường cất hạ cánh Cảng hàng không Cà Mau.

- Quyết định số 1871/QĐ-TCTCHKVN ngày 14/6/2013 của Tổng công ty cảng hàng không Việt Nam về việc Quyết định phê duyệt Quy chế hoạt động Tổ công tác an toàn đường cất hạ cánh Cảng hàng không Cà Mau.

9.2 Các quy trình khác liên quan tới quản lý an toàn sân đỗ:

9.2.1 Phòng phụt đối với động cơ phản lực.

- Không được phép thử động cơ ở chế độ có tải tại sân đỗ tàu bay.

- Tàu bay chỉ được phép khởi động động cơ (ở cả chế độ không tải và có tải) khi các phương tiện mặt đất đã rời khỏi khu vực phục vụ để tránh luồng khí xả của động cơ phản lực.

- Việc thử động cơ ở chế độ có tải chỉ được thực hiện tại vị trí hai đầu đường CHC 09 và 27, tàu bay đỗ tại vị trí chuẩn bị cất cánh, luồng khí xả hướng về vùng CWY *(Clearway).*

9.2.2 Các biện pháp bảo vệ trong quá trình tiếp nhiên liệu.

Cảng hàng không Cà Mau không cung cấp dịch vụ tiếp nhiên liệu.

9.2.3 Vệ sinh sân đỗ.

- Bộ phận thực hiện: Đội Kỹ Thuật và Đội An ninh hàng không.

- Đội An ninh hàng không vệ sinh, quét dọn và dọn sạch các FOD nhỏ, rải rác, số lượng ít bằng phương pháp thủ công.

- Đội Kỹ Thuật vệ sinh khi có lượng FOD, đất cát, dầu loang, vết bẩn do hoạt động phục vụ gây ra bằng phương pháp thủ công hoặc xe cứu hỏa phun với áp lực nước lớn…

- Đội An ninh hàng không là đầu mối tiếp nhận thông tin và đôn đốc các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện việc kiểm tra thường xuyên và đột xuất.

- Hằng ngày, Đội an ninh hàng không tiến hành kiểm tra vệ sinh sân đường; ghi sổ nhật ký kiểm tra và ký xác nhận; Khi có sự cố bất thường báo cáo Giám đốc Cảng hàng không Cà Mau cho ý kiến chỉ đạo kịp thời.

- Trong những trường hợp đặc biệt như giông bão hoặc theo đề nghị của tổ bay, của kiểm soát viên không lưu, nhân viên giám sát khu bay của Đội an ninh hàng không sẽ thực hiện kiểm tra đột xuất vệ sinh sân đường.

9.2.4 Các biện pháp kiểm tra an toàn cho nhân viên, phương tiện hoạt động trên sân đỗ.

a) Quy định nhân viên làm việc trên sân đỗ:

+ Nhân viên làm việc trên sân đỗ phải đeo thẻ kiểm soát an ninh, mang áo có vạch phản quang, bộ đàm có tần số thu phát 146.300MHz, phương tiện bảo hộ, nút chống ồn.

+ Báo cáo về tai nạn, sự cố uy hiếp an toàn xảy ra trên sân đỗ.

b) Quy định về an toàn đối với các trang thiết bị phục vụ trên sân đỗ:

Các phương tiện, trang thiết bị phục vụ tàu bay: xe cấp điện, xe chở hành khách, xe chở hành lý hàng hóa… phải tuân thủ chặt chẽ các quy định về an toàn thực hiện theo “Quy định an toàn Cảng hàng không Cà Mau” ban hành kèm theo Quyết định số 19/QĐ-TCTCHKVN-CMA ngày 16/01/2014.

~~+ Các trang thiết bị phục vụ tàu bay: xe cấp điện, xe phục vụ hành khách cần trợ giúp đặc biệt… phải tuân thủ chặt chẽ các quy định về an toàn tại Điều 40 Thông tư số 16/2010/TT-BGTVT ngày 30/06/2010 của Bộ Giao thông vận tải.~~

+ Tốc độ tối đa của các phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của Cảng hàng không Cà Mau được quy định như sau:

. 05 km/h trong khu vực an toàn cho tàu bay ở mặt đất.

. 35 km/h ngoài khu vực an toàn cho tàu bay ở mặt đất.

9.2.5 Báo cáo về tai nạn, sự cố uy hiếp an toàn xảy ra trên sân đỗ:

Tất cả các tai nạn, sự cố uy hiếp an toàn xảy ra trên sân đỗ đều phải được lập biên bản và báo cáo. Quy trình báo cáo được thực hiện:

~~+ “Quy chế báo cáo An toàn Hàng không” ban hành theo Quyết định số 220/QĐ-CHK ngày 25/01/2014 và Hướng dẫn thực hiện của Cục Hàng không Việt Nam;~~

~~+ “Quy định báo cáo an toàn hàng không” ban hành kèm theo Quyết định số 1011/QĐ-TCTCHKVN ngày 02/4/2014 của Tổng Giám đốc Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam;~~

+ Quyết định số 399/QĐ-CHK ngày 25/12/2015 của Cục trưởng Cục hàng không Việt Nam về việc ban hành quy chế báo cáo an toàn hàng không.

+ “Quy định báo cáo an toàn hàng không” ban hành kèm theo Quyết định số 5673/QĐ-TCTCHKVN ngày ... của Tổng Giám đốc Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam.

- Khi có tai nạn hoặc sự cố uy hiếp an toàn Đội an ninh hàng không phối hợp với Đại diện Cảng vụ hàng không miền Nam tại Cà Mau lập biên bản ghi nhận sự việc, thu thập các chứng cứ, lời khai của nhân chứng, để tập hợp hồ sơ vụ việc báo cáo Giám đốc Cảng hàng không Cà Mau.

9.3 Quản lý an toàn trên sân bay thực hiện theo quy định về an toàn Cảng hàng không Cà Mau được phê duyệt:

Theo Quyết định số 19/QĐ-TCTCHKVN-CMA ngày 16/01/2014.

10. Quy định về kiểm tra, kiểm soát người, phương tiện, trang thiết bị hoạt động trong khu bay

10.1 Các biện pháp áp dụng cho giao thông, quy tắc giao thông

Mọi phương tiện, trang thiết bị khi hoạt động, lưu thông trong khu hoạt động bay phải chấp hành quy tắc giao thông cũng như Luật giao thông đường bộ và thực hiện theo quy định an toàn của Cảng hàng không Cà Mau.

* Trên đường công vụ không quá 35km/giờ;
* Khi tiếp cận tàu bay không quá 05km/giờ;
* Khi lưu thông trời mù cấm sử dụng đèn pha;
* Cấm đi cắt ngang qua khoảng cách giữa khoảng cách của nhân viên đánh tín hiệu mặt đất và tàu bay đang lăn vào vị trí đỗ;
* Cấm vận hành phương tiện hoặc trang thiết bị mặt đất chui dưới thân, cánh, động cơ tàu bay;
* Cấm rời khỏi phương tiện trong khi phương tiện vẫn còn nổ máy.

10.2 Các quy trình kiểm tra, kiểm soát người và phương tiện hoạt động tại khu bay

10.2.1. Cấp giấy phép cho người điều khiển, vận hành trang thiết bị và giấy phép đăng ký phương tiện, trang thiết bị mặt đất trong khu bay

Phương tiện hoạt động trong khu bay được Cục Hàng không Việt Nam cấp hoặc cơ quan được Cục Hàng không Việt Nam ủy quyền cấp theo quy định tại Thông tư 17/2016/TT-BGTVT ngày 30/06/2016 của Bộ Giao thông vận tải Quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

Nhân viên điều khiển, vận hành phương tiện, thiết bị hàng không hoạt động tại khu vực hạn chế Cảng hàng không, sân bay phải có giấy phép được Cục Hàng không Việt Nam cấp theo quy định tại Thông tư 17/2016/TT-BGTVT ngày 30/06/2016 của Bộ Giao thông vận tải Quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay và Thông tư 10/2018/TT-BGTVT ngày 14/3/2018 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về nhân viên hàng không, đào tạo, huấn luyện và nhân viên hàng không;Nhân viên điều khiển, vận hành các phương tiện hoạt động trên khu bay

10.2.2. Quy trình kiểm tra, kiểm soát người và phương tiện:

- Thực hiện theo Chương trình An ninh Hàng không Cảng hàng không Cà Mau ban hành theo Quyết định .../QĐ-CHK ngày ... của Cục Hàng không Việt Nam

10.3 Nêu cơ quan đơn vị chịu trách nhiệm giám sát, quản lý, điều hành các hoạt động trong khu bay.

~~Sân bay Cà Mau chịu trách nhiệm giám sát, quản lý, điều hành các hoạt động trong khu bay.~~

Liệt kê các cơ quan chịu trách nhiệm giám sát, quản lý

Đội Kỹ thuật + Đội Điều hành sân bay: nêu cụ thể chức năng, nhiệm vụ

11. Quản lý các nguy cơ gây mất an toàn do chim, động vật hoang dã và vật nuôi gây ra

Thực hiện theo Quyết định số 923/QĐ-TCTCHKVN năm 2012 của Tổng giám đốc Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam về việc phê duyệt Sổ tay kiểm soát chim và động vật hoang dã Cảng hàng không Cà Mau. (Phụ lục 1C)

Tên, số điện thoại (24/24 giờ) của những người phụ trách xử lý các nguy cơ gây mất an toàn do động vật gây ra:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Họ và tên** | **Chức vụ/Chức danh** | **Điện thoại** | **Ghi chú** |

12. Quản lý chướng ngại vật hàng không

~~Thực hiện theo Chương trình an ninh hàng không của Cảng hàng không Cà Mau đã được Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt tại Quyết định số 1418/QĐ-CHK ngày 28 tháng 06 năm 2017 (Phụ lục 19 của Chương trình an ninh Cảng hàng không Cà Mau).~~

12.1. Các quy định về bề mặt giới hạn chướng ngại vật:

Việc quản lý chướng ngại vật hàng không tại cảng hàng không, sân bay thực hiện theo Điều 92 Luật hàng không dân dụng Việt Nam; Nghị định 32/2016/NĐ-CP ngày 06/5/2016 của Chính phủ về “Quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam; Thông tư 17/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 của Bộ Giao thông vận tải Quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay”;

12.2. Phạm vi, quyền hạn của Người khai thác Cảng hàng không Cà Mau trong việc kiểm soát chướng ngại vật:

Giám đốc Cảng HK Cà Mau có trách nhiệm theo dõi và phát hiện các trường hợp vi phạm tĩnh không trong khu vực sân bay Cà Mau để thông báo cho đại diện Cảng vụ hàng không miền Nam tại Cà Mau và phối hợp giải quyết.

12.3. Kiểm soát và quản lý các công trình xây dựng, vật kiến trúc trong bề mặt giới hạn chướng ngại vật của Cảng hàng không Cà Mau:

- Đối với các chướng ngại vật nhân tạo và tự nhiên đã có trước khi ban hành tài liệu này mà chiều cao vi phạm các bề mặt giới hạn chướng ngại vật, Đại diện Cảng vụ Hàng không miền Nam tại Cà Mau sẽ chủ trì phối hợp với các cơ quan đơn vị có liên quan và chủ sở hữu của vật thể đó để xem xét xử lý đối với từng trường hợp cụ thể. Dựa trên sự đồng thuận của các bên sẽ đưa ra quyết định:

+ Vị trí di dời chướng ngại vật;

+ Thời hạn di dời;

- Trong trường hợp không thể di dời được:

+ Hạ thấp độ cao trong chừng mực có thể;

+ Lắp đèn báo hiệu, sơn kẻ tín hiệu cảnh báo theo quy định của ICAO.

- Trong trường hợp các bên không thể thống nhất ý kiến thì Đại diện Cảng vụ Hàng không miền Nam tại Cà Mau sẽ báo cáo lên cấp có thẩm quyền cao hơn để giải quyết.

- Đối với các chướng ngại vật tạm thời và di động hoạt động gần sân bay và vi phạm bề mặt giới hạn chướng ngại vật trong khoảng thời gian ngắn, chủ sở hữu phải báo cáo Đại diện Cảng vụ Hàng không miền Nam tại Cà Mau để và xem xét quyết định;

- Đối với các chướng ngại vật được phép xây mới hay sửa đổi, chủ sở hữu có trách nhiệm sơn đánh dấu và chiếu sáng các chướng ngại vật đó và chịu mọi chi phí liên quan đến lắp đặt, sơn kẻ và bảo trì các hệ thống đánh dấu/chiếu sáng đó.

- Đối với các chướng ngại vật thoả mãn các yêu cầu của nguyên lý núp bóng thì sẽ áp dụng các quy định riêng.

- Những vật thể có chiều cao tới 150m hoặc cao từ 30m trở lên (so với mặt đất hiện tại) nằm ngoài phạm vi của bề mặt giới hạn chướng ngại vật nhưng trong vùng phụ cận Cảng hàng không Cà Mau hoặc những vật thể có chiều cao từ 40m trở lên (so với mặt đất hiện tại) nằm ngoài vùng phụ cận Cảng hàng không Cà Mau phải được coi là chướng ngại vật. Trước khi xây dựng hay sửa đổi, chủ sở hữu phải báo cáo xin phép Cảng vụ Hàng không miền Nam tại Cà Mau trong đó cung cấp đầy đủ thông tin về:

+ Dạng của chướng ngại vật (ví dụ: cột điện hay ống khói);

+ Vị trí của chướng ngại vật theo tọa độ WGS-84;

+ Độ cao của chướng ngại vật tính so với mực cao của sân bay hoặc so với mực nước biển trung bình.

12.4. Quy trình báo cáo Cục Hàng không Việt Nam

- Khi phát hiện hoặc nhận được thông tin về hành vi vi phạm tĩnh không, Cảng hàng không Cà Mau thông báo cho Đại diện Cảng vụ Hàng không miền Nam tại Cà Mau để xử lý theo thẩm quyền.

- Việc phát hiện chướng ngại vật vi phạm tĩnh không, vật thể bay uy hiếp an toàn tĩnh không, sẽ được Đội An ninh hàng không Cảng hàng không Cà Mau ghi chép, lưu giữ số liệu và báo cáo lên Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam theo quy định. Thông tin lưu giữ bao gồm tính chất, vị trí, độ cao so với mực nước biển trung bình, dạng của mỗi chướng ngại vật.

- Cảng vụ Hàng không miền Nam báo cáo Cục Hàng không Việt Nam các trường hợp vi phạm tĩnh không tại Cảng hàng không Cà Mau theo quy định.

13. Di chuyển tàu bay không có khả năng di chuyển

Phương án di chuyển tàu bay bị hư hỏng trên khu bay hoặc khu vực lân cận mất khả năng tự di chuyển thực hiện theo Phụ lục 1A – Kế hoạch khẩn nguy sân bay – Cảng hàng không Cà Mau

13.1 Vai trò của Người khai thác cảng hàng không Cà Mau và Người khai thác tàu bay đối với tàu bay không có khả năng di chuyển.

~~- Vai trò Người khai thác tàu bay:~~

- Việc kiểm soát, nâng nhấc và di dời là trách nhiệm của Người khai thác tàu bay.

- Người khai thác Cảng hàng không Cà Mau cung cấp những điều kiện cần thiết và bảo đảm sự phối hợp với các cơ quan đơn vị để cho việc di dời tàu bay được nhanh chóng.

- Nếu Người khai thác tàu bay không thể di dời tàu bay hoặc làm chậm trễ thì Người khai thác Cảng hàng không Cà Mau sẽ có hành động phù hợp để di dời tàu bay làm giảm tối đa sự tắc nghẽn tại Cảng hàng không Cà Mau.

- ~~Nhân viên điều phối của~~ Người khai thác tàu bay phải phối hợp với Người khai thác Cảng hàng không Cà Mau để thực hiện di dời an toàn không làm hỏng thêm cho tàu bay. Người khai thác tàu bay có trách nhiệm thanh toán các khoản chi phí phát sinh trong quá trình di dời tàu bay cho Cảng hàng không Cà Mau.

- Vai trò của Người khai thác Cảng hàng không Cà Mau:

+ Căn cứ vào khả năng, trang bị sẵn có của mình lập kế hoạch di dời tàu bay mất khả năng di chuyển trên sân bay cho phù hợp.

+ Phối hợp với Người khai thác tàu bay để cung cấp những kinh nghiệm và các phương tiện sẵn có giúp cho việc di dời được nhanh chóng trên cơ sở hợp đồng của Người khai thác tàu bay .

+ Cung cấp các phương tiện chuyên chở, nhân viên hộ tống những trang thiết bị đến vị trí hiện trường tai nạn, lập sở chỉ huy cơ động khi cần thiết.

+ Có trách nhiệm bảo vệ tàu bay bị nạn các bộ phận gãy rời, các bộ phận khác bị bung ra để phục vụ cho công tác điều tra tai nạn.

+ Là cơ quan chủ trì phối hợp để bàn bạc, thống nhất các biện pháp giúp cho nhà khai thác, Người khai thác tàu bay thực hiện quá trình di dời tàu bay mất khả năng di chuyển nhanh chóng và hiệu quả nhất.

- Trách nhiệm của các cơ quan đơn vị liên quan trong việc di dời: Các cơ quan đơn vị thuộc Cảng hàng không Cà Mau, các doanh nghiệp Vận tải hàng không, các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại Cảng có trách nhiệm tham gia vào Ban chỉ huy hiện trường Cảng hàng không Cà Mau để lập và thực hiện kế hoạch di dời tàu bay mất khả năng di chuyển dưới sự điều phối của Người khai thác Cảng hàng không Cà Mau.

13.2 Quy trình thông báo cho người có đăng ký tàu bay bị hư hỏng.

* Khi tàu bay mất khả năng di chuyển từ những nguyên nhân tai nạn, sự cố, việc di dời tàu bay ra khỏi khu vực đó là giai đoạn tiếp theo của công tác khẩn nguy sân bay do đó việc thông báo cho Người khai thác tàu bay là trách nhiệm của Người khai thác sân bay Cà Mau.
* Người khai thác sân bay Cà Mau thông báo ngay cho Người khai thác tàu bay biết các thông tin cần thiết về tình trạng tàu bay để Người khai thác tàu bay có kế hoạch chuẩn bị và thực hiện các biện pháp di dời;
* Kế hoạch dự kiến di dời, khả năng của Người khai thác sân bay Cà Mau về lực lượng, phương tiện sẵn có của sân bay và của các đơn vị hoạt động trên khu vực có thể tham gia công tác di dời;
* Địa chỉ liên lạc của các đơn vị thuộc Người khai thác sân bay Cà Mau để phối hợp công tác di dời và khôi phục lại hoạt động cho sân bay.

13.3 Quy trình liên lạc với cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu.

* Trước khi tiến hành công tác di dời chủ tàu bay, Người khai thác sân bay Cà Mau phải thông báo cho cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu kế hoạch di dời tàu bay để phối hợp điều hành, kiểm soát nhằm đảm bảo an toàn trong khu bay các nội dung bao gồm:
* Thời gian dự kiến di dời.
* Đường đi và thời gian của các loại phương tiện, trang bị tham gia di dời.
* Đường di chuyển của tàu bay về nơi sửa chữa.
* Chiều cao tối đa của các phương tiện di dời.
* Phương tiện thông tin liên lạc, tần số vô tuyến liên lạc trong quá trình di dời.
* Trong suốt quá trình di dời tàu bay phải duy trì thông tin liên lạc hai chiều bằng vô tuyến với cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu cho đến khi kết thúc công tác di dời.

13.4 Bố trí sắp xếp nhân viên và phương tiện để di chuyển tàu bay bị hư hỏng, ~~phương án canh giữ, bảo vệ tàu bay hư hỏng sau khi được di dời đến vị trí đỗ tàu bay được xác định để phục vụ công tác điều tra sự cố tàu bay theo quy định~~

* Việc bố trí, sắp xếp nhân lực và phương tiện để di dời tàu bay mất khả năng di chuyển của sân bay Cà Mau sẽ phụ thuộc vào từng tình huống cụ thể để huy động là khác nhau.
* Trường hợp sân bay Cà Mau được yêu cầu đứng ra tổ chức di dời thì sẽ báo cáo với Tổng giám đốc Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam để Tổng Giám đốc lãnh đạo chung và các thành viên trong Ban chỉ huy hiện trường sân bay Cà Mau sẽ là những người giúp việc.
* Lực lượng: Gồm của sân bay Cà Mau và các đơn vị phối hợp trong công tác triển khai khẩn nguy.
* Phương tiện: Phương tiện sử dụng để di dời tàu bay mất khả năng di chuyển gồm có (Các phương tiện do Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam điều động, cung cấp):
* Trang thiết bị để nâng nhấc: Cần cẩu; Dây móc để móc cần cẩu; Kích (con đội)
* Phương tiện, trang thiết bị để kéo đẩy: Xe kéo đẩy; Cần kéo/ đẩy;
* Dụng cụ để kê đỡ: Gỗ lát sàn; Tấm lát

- Các vật dụng khác: Nhà bạt, dây thừng, cọc neo, cưa, xà beng, kềm…

* Phương tiện của các đơn vị trong và ngoài ngành hàng không được huy động khi có yêu cầu.

13.5 Quy trình di chuyển tàu bay không có khả năng di chuyển

Tùy trường hợp cụ thể, quy trình chung đối với công tác di chuyển tàu bay không có khả năng di chuyển gồm các bước chính như sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Lưu đồ** | **Trách nhiệm và hoạt động** |
| Không  Đạt  Khảo sát, lập phương án  Không thực hiện được  Phê duyệt  Thực hiện di dời  Thực hiện được  Đạt | Giám đốc Cảng hàng không Cà Mau |
| Ban Chỉ huy hiện trường chỉ định thành phần chuyên gia |
| Ban Chi huy hiện trường xem xét phương án di dời |
| Ban chỉ huy hiện trường điều phối lực lượng, phương tiện thực hiện phương án di dời |
| Ban Chỉ huy hiện trường báo cáo Cục HK Việt Nam  Cảng HK Cà Mau báo cáo Tổng công ty Cảng HK Việt Nam |

13.6 Tên, chức vụ và số điện thoại của các cán bộ phụ trách việc sắp xếp, di chuyển tàu bay không có khả năng di chuyển.

| **STT** | Tên | Chức vụ | **Số điện thoại** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | Ông Phạm Thanh Lâm | Giám đốc Cảng hàng không Cà Mau | 0903.700.465 |
| 2 | Bà Trần Thị Hồng Mai | Phó Giám đốc Cảng hàng không Cà Mau | 0915.160.162 |
| 3 | Ông Huỳnh Quang Phong | Trưởng ĐD Cảng Vụ HKMN tại Cà Mau | 0939.554.191 |
| 4 | Bà Hồ Thị Thư | Đài phó Đài KS Không lưu Cà Mau | 0918.174457 |
| 5 | Ông Tô Hữu Nghị | Đội trưởng Đội Kỹ Thuật | 0941.882.999 |
| 6 | Ông Phan Doãn Tuấn | Đội phó Đội an ninh hàng không | 0947.358283 |
| 7 | Bà Nguyễn Thanh Nhanh | Đội trưởng Đội Phục vụ hành khách | 0913.964.968 |
| 8 | Bà Huỳnh Thị Ngọc Nhân | Trưởng đại diện VASCO | 0916.162.100 |
| 9 | Chủ sở hữu tàu bay (Trường hợp tàu bay thuê chuyến hoặc hạ cánh khẩn cấp |  |  |

14. Quản lý vật phẩm nguy hiểm

Thực hiện theo Chương trình an ninh hàng không của Cảng hàng không Cà Mau đã được Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt tại Quyết định số 1418/QĐ-CHK ngày 28 tháng 06 năm 2017.

15. Khai thác trong điều kiện tầm nhìn hạn chế

Theo tiêu chuẩn thời tiết tối thiểu áp dụng cho các phương thức bay tại sân bay Cà Mau được Cục Hàng không Việt Nam phê chuẩn số 2784/QĐ-CHK ngày 02/12/2004 ban hành “Quy chế bay trong khu vực sân bay Cà Mau”.

16. Đảm bảo hoạt động của Rada và các thiết bị dẫn đường

Các quy trình bảo vệ vị trí rada và phương tiện dẫn đường vô tuyến tại cảng hàng không, sân bay để không gây cản trở hoạt động chính xác của các thiết bị đó, bao gồm:

16.1 Kiểm soát các hoạt động xung quanh vị trí đài NDB.

Đài NDB phát vô hướng, có tâm là anten của đài. Mọi hoạt động của người và phương tiện phải tránh xa khu vực này để không ảnh hưởng đến việc phát sóng của đài.

16.2 Các quy định bảo trì mặt đất xung quanh các thiết bị.

* Sân bay Cà Mau đảm bảo khai thác, bảo dưỡng đài dẫn đường NDB, nguồn điện dự phòng. Công tác bảo trì do Đội kỹ thuật thực hiện theo quy trình kỹ thuật đã được ban hành.
* Trung tâm Khai thác khu bay Tân Sơn Nhất có trách nhiệm sửa chữa, bảo trì chuyển mùa và bay hiệu chuẩn.

- Đội kỹ thuật có trách nhiệm cắt cỏ định kỳ, đảm bảo thoát nước tốt.

16.3 Quy định về lắp đặt các bảng báo hiệu về bức xạ sóng cực ngắn nguy hiểm.

Hiện sân bay Cà Mau chưa có hướng dẫn cụ thể để thực hiện lắp đặt các biển báo về bức xạ sóng cực ngắn nguy hiểm.

16.4 Sơ đồ các bề mặt giới hạn chướng ngại vật đảm bảo hoạt động bình thường của các thiết bị thông tin, dẫn đường, giám sát

17. Khí tượng hàng không

- ~~Công tác khí tượng hàng không~~ Thực hiện theo Thông tư số 19/2017/TT-BGTVT ngày 6 tháng 6 năm 2017 Quy định về quản lý và bảo đảm hoạt động bay của Bộ Giao thông Vận tải và Văn bản hiệp đồng trách nhiệm về cung cấp dịch vụ khí tượng hàng không giữa Cảng hàng không Cà Mau và Công ty Quản lý bay Miền Nam”.

- Thực hiện theo quy chế phối hợp bảo đảm kỹ thuật cho thiết bị khí tượng hàng không giữa Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam và Tổng công ty quản lý bay Việt Nam, hiệu lực từ ngày 01 tháng 07 năm 2017.

18. Quản lý môi trường tại sân bay

18.1 Các nguồn thải gây ô nhiễm và biện pháp giảm thiểu

18.1.1 Khí thải, tiếng ồn, độ rung

Từ hoạt động tàu bay và các phương tiện hoạt động tại sân bay gây ra.

18.1.2 Nước thải, lượng nước xả thải (m3/ngày đêm): Nguồn thải, lưu lượng xả thải, lượng nước tiêu thụ (m3/ngày đêm);

* Nước thải phát sinh từ Cảng Hàng không Cà Mau chủ yếu là nước thải sinh hoạt, từ các nguồn như: nhà vệ sinh, dịch vụ ăn uống ...
* Nước thải phát sinh từ nhà ga được xử lý bằng bể tự hoại (công suất đáp ứng xử lý 10m3/ngày đêm). Nước thải sau xử lý được chảy vào cống thoát nước chung của toàn Cảng sau đó chảy ra các ao hồ xung quanh và thoát nước ra ngoài theo kênh xáng Bạc Liêu.
* Hiện tại, lượng nước xả thải khoảng 2m3/ngày đêm~~, lưu lượng nước xả thải đáp ứng xử lý 10m~~~~3~~~~/ngày đêm.~~

Quy trình thu gom, xử lý nước thải:

(Sơ đồ Quy trình thu gom, xử lý nước thải của người khai thác cảng và của toàn cảng hàng không sân bay); thêm sơ đồ

18.1.3 Chất thải rắn:

Quy trình thu gom, vận chuyển chất thải rắn (sơ đồ);

CTR sinh hoạt

Chất thải rắn

Phân loại tại nguồn

Chất thải rắn không nguy hại

Chất thải rắn nguy hại *(CTNH)*

CTR sản xuất không nguy hại

Lưu giữ vào kho chứa riêng

Thuê đơn vị thu gom CTNH *(nếu có)*

Thuê đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển và xử lý

Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do chất thải rắn

* Chất thải rắn: phát sinh chủ yếu là rác thải sinh hoạt. Bố trí các thùng tại các phòng ban của nhà ga hành khách, nhà văn phòng, khu vực nhà xe, đài trạm…hàng ngày, rác thải sinh hoạt được thu gom và được tập kết tại thùng rác ở phía bên sân đỗ ô tô. Cảng đã hợp đồng với công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Cà Mau định kỳ sẽ có xe đến thu gom để xử lý.

18.1.4 Chất thải nguy hại

Quy trình thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại (sơ đồ);

CTR sinh hoạt

Chất thải rắn

Phân loại tại nguồn

Chất thải rắn không nguy hại

Chất thải rắn nguy hại *(CTNH)*

~~CTR sản xuất không nguy hại~~

Lưu giữ vào kho chứa riêng

Thuê đơn vị thu gom CTNH *(nếu có)*

Thuê đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển và xử lý

* Chất thải nguy hại:
* Các hộp mực máy in, bình acquy khi thay thế sẽ được nhà cung cấp thu hồi lại, không thải ra môi trường.
* Các loại chất thải khác như: bóng đèn huỳnh quang thải, board mạch điện tử, giẻ lau dính dầu, dầu mỡ thải,… được thu gom và phân loại riêng sau đó lưu trữ trong nhà kho để chờ xử lý theo quy định.
* Họp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý.

18.1.5 Chất thải rắn từ tàu bay tại cảng hàng không, sân bay.

Quy trình thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn từ tàu bay

Rác thải từ tàu bay chủ yếu là các chai lọ, túi nilong, túi nôn,..không có nước thải.

( thêm sơ đồ).

18.2 Trách nhiệm quản lý môi trường của người khai thác cảng hàng không Cà Mau

* Chịu trách nhiệm trước phát luật Việt Nam nếu vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường;
* Thực hiện quản lý môi trường theo các nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường/đề án bảo vệ môi trường chi tiết/cam kết bảo vệ môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;
* Triển khai xây dựng bản đồ tiếng ồn theo kế hoạch của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP;
* Ban hành kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường
* Phê duyệt quy trình thu gom, phân loại, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại của cảng hàng không Cà Mau;
* Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ của bộ phận môi trường.

18.3 Trách nhiệm quản lý môi trường của doanh nghiệp khai thác công trình tại cảng hàng không Cà Mau

Không có doanh nghiệp khai thác công trình khác tại cảng hàng không Cà Mau

18.4 Văn bản pháp luật liên quan đến việc quản lý, bảo vệ môi trường tại Cảng.

Quyết định số 311/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ngày 05/03/2013 Quyết định về việc phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Cảng hàng không Cà Mau.

19. Báo cáo tai nạn, sự cố, vụ việc an toàn khai thác cảng hàng không Cà Mau

Thực hiện việc báo cáo an toàn hàng không theo quy định tại:

- Điều 35 của Thông tư 17/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 của Bộ Giao thông vận tải về việc Quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không sân bay;

- Quyết định số 399/QĐ-CHK ngày 25/02/2015 của Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam về việc ban hành Quy chế báo cáo an toàn hàng không;

- Thực hiện theo Quy định báo cáo an toàn hàng không ban hành kèm theo Quyết định số 5637/QĐ-TCTCHKVN ngày 29/12/2017 của Tổng Giám đốc Tổng công ty cảng hàng không Việt Nam – CTCP.



CHƯƠNG V

TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH VÀ HỆ THỐNG QUẢN LÝ AN TOÀN CỦA NGƯỜI KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG CÀ MAU

1. Tổ chức hành chính của Cảng hàng không Cà Mau

1.1 Sơ đồ tổ chức Cảng hàng không Cà Mau:

**SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CẢNG HÀNG KHÔNG CÀ MAU**

**Giám Đốc**

**Đội**

**Kỹ thuật**

**Đội**

**PVHK**

**Văn Phòng**

**Đội**

**ANHK**

**Tổ**

**Vận hành TTBMĐ**

**Tổ**

**Kỹ thuật**

**Tổ**

**AN Soi chiếu**

**HH-HL**

**Tổ**

**ANKS**

**Tổ**

**Phục vụ**

**hành khách**

**Tổ**

**Kế hoạch –**

**Tài chính**

**Tổ**

**Hành chính**

**Phó giám Đốc**

* + Giám đốc: Phạm Thanh Lâm ĐT: 0290.3.836.410 DĐ: 0903.700.465
  + Phó Giám đốc: Trần Thị Hồng Mai DĐ: 0915.160.162
  + Đội an ninh hàng không ĐT: 0290.3.833.855

Đội phó: Phan Doãn Tuấn DĐ: 0947.358283

* + Đội Kỹ Thuật ĐT: 0290.3.833.855

Đội trưởng: Tô Hữu Nghị DĐ: 0941.882.999

* + Văn phòng Cảng ĐT: 0290.3.833.855

P. Chánh VP: Nguyễn Hải Bình DĐ: 0988.420.924

1.2 Tên, chức vụ và số điện thoại của người chịu trách nhiệm chung về an toàn tại Cảng hàng không Cà Mau

Bà Trần Thị Hồng Mai - Phó Giám đốc Cảng hàng không Cà Mau là người người phụ trách an toàn hàng không tại Cảng hàng không Cà Mau - Điện thoại: Di động: 0915.160.162.

1.3 Tên, chức vụ và số điện thoại của người phụ trách an ninh hàng không tại Cảng hàng không Cà Mau

Bà Trần Thị Hồng Mai - Phó Giám đốc Cảng hàng không Cà Mau là người người phụ trách an ninh hàng không tại Cảng hàng không Cà Mau - Điện thoại: Di động: 0915.160.162.

1.4 Tên, chức vụ và số điện thoại của người phụ trách khai thác sân bay tại Cảng hàng không Cà Mau

Ông Phạm Thanh Lâm - Giám đốc Cảng hàng không Cà Mau là người phụ trách khai thác sân bay tại Cảng hàng không Cà Mau - Điện thoại: Di động: 0903. 700 465.

1.5 Các phòng ban tại Cảng hàng không Cà Mau

Cảng hàng không Cà Mau do Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam-CTCP quản lý, hệ thống hành chính được tổ chức như sau:

- Ban Giám đốc:

* + - Giám đốc : Phạm Thanh Lâm
    - Phó Giám đốc : Trần Thị Hồng Mai

- Các Đội chức năng:

* + - Văn phòng
    - Đội An ninh hàng không
    - Đội Phục vụ hành khách
    - Đội Kỹ thuật

1. Hệ thống quản lý an toàn

Tài liệu hệ thống quản lý an toàn được thể hiện chi tiết tại Phụ lục 1B “Hệ thống quản lý an toàn”.